VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 17/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 ban hành Bảng mã HS đối với hàng hóa là thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật, thực vật thuộc các Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp

(Tiếp theo Công báo số 115 + 116)

BẢNG MÃ HS
Đối với hàng hóa là thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật, thực vật thuộc các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2023/TT-BNNPTNT, ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

II. HÀNG HÓA LÀ MẪU VẬT THỰC VẬT RỪNG NGUY CẤP, QUÝ HIẾM; THỰC VẬT THUỘC CÁC PHỤ LỤC CITES

5. Đồ nội thất, bộ đồ giường chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
9401.69	- - Loại khác:		
9401.69.90	- - - Loại khác, bao gồm:		
		Araucariaceae/Monkey-puzzle tree/Họ Bách tán	
		Araucaria araucana/Monkey-puzzel tree/Bách tán araucana	I CITES
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Fitzroya cupressoides/Alerce/Tùng fitzroya	I CITES
		Pilgerodendron uviferum/Pilgerodendron/Tùng pilgerodendron	I CITES
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cunninghamia konishii/Sa mộc dầu	IA

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
		Glyptostrobus pensilis/Thông nước	IA
		Taiwania cryptomerioides/Bách đài loan	IA
		Xanthocyparis vietnamensis (Cupressus vietnamensis)/ Bách vàng	IA
		Calocedrus macrolepis/Bách xanh	IIA
		Calocedrus rupestris/Bách xanh núi đá	IIA
		Fokienia hodginsii/Pơ mu	IIA
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Abies guatemalensis/Guatemalan fir/Linh sam guatemala	I CITES
		Pinus koraiensis [#5]/Korean pine/Thông triều tiên (Liên bang Nga)	III CITES
		Abies delavayi subsp. Fansipanensis/Vân sam phan si păng	IA
		Keteleeria davidiana/Du sam đá vôi	IA
		Pinus cernua/Thông xuân nha (5 lá rủ)	IIA
		Pinus dalatensis/Thông đà lạt	IIA
		Pinus hwangshanensis/Thông hai lá quả nhỏ (Thông đá vôi quả nhỏ)	IIA
		Pinus krempfii/Thông lá dẹt	IIA
		Pseudotsuga brevifolia/Thiết sam giả lá ngắn	IIA
		Podocarpaceae/Podocarps/Họ Kim giao	
		Podocarpus neriifolius [#1]/Faux Pemou/Thông tre (Nepal)	III CITES
		Podocarpus pilgeri/Thông tre lá ngắn	IIA
		Podocarpus parlatorei/Parlatore's podocarp/Kim giao parlatore	I CITES
		Taxaceae/Himalayan yew/Họ Thông đỏ	
		Taxus chinensis [#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Chinese yew/Thông đỏ lá ngắn (Thông đỏ trung hoa)	II CITES; IIA

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Taxus cuspidata [P6#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Japanese yew or Spreading yew/Thông đỏ nhật bản	II CITES
		Taxus fuana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/West Himalayan yew/Thông đỏ tây himalaya	II CITES
		Taxus sumatrana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Sumatera yew/Thông đỏ sumatra	II CITES
		Taxus wallichiana[#2]/Himalayan yew/Thông đỏ lá dài (Thông đỏ himalaya)	II CITES; IIA
		Cephalotaxaceae/Họ Đỉnh tùng	
		Cephalotaxus mannii/Đỉnh tùng (Phỉ ba mũi)	IIA
		Bignoniaceae/Trumpet trees/Họ Núc nác (Họ Đinh)	
		Handroanthus spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Handroanthus* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Roseodendron spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Roseodendron* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Tabebuia spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Tabebuia* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Fernandoa spp./Các loài Đinh thuộc chi *Fernandoa*	IIA
		Caryocaraceae/Ajo/Họ Ajo	
		Caryocar costarricense [#4]/Ajo/Caryocar/Cây ajo	II CITES

[P6] Các giống và giống lai được nhân giống nhân tạo của loài *Taxus cuspidata*, dạng sống, trong chậu hoặc các vật chứa nhỏ khác, mỗi lô hàng được dán nhãn hoặc tài liệu ghi rõ tên của đơn vị phân loại hoặc đơn vị phân loại và mang dòng chữ 'nhân giống nhân tạo', không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Ebenaceae/Ebonies/Họ Thị	
		Diospyros spp.[#5]/Malagasy ebony/Các loài Mun madagascar (Chỉ áp dụng với quần thể của Madagascar, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Diospyros mun/Mun	II CITES; IIA
		Diospyros sailetii/Mun sọc	II CITES; IIA
		Fagaceae/Mongolian oak/Họ Dẻ	
		Quercus mongolica[#5]/Mongolian oak/Sồi mông cổ (Liên bang Nga)	III CITES
		Juglandaceae/Gavilan/Họ Hồ đào	
		Oreomunnea pterocarpa[#4]/Gavilan (walnut)/Óc chó	II CITES
		Lauraceae/Brazilian rosewood/Họ Long não (Họ Nguyệt quế)	
		Aniba rosaeodora[#12]/Car-Cara/Gỗ đỏ	II CITES
		Cinnamomum balansae/Gù hương (Quế balansa)	IIA
		Cinnamomum glaucescens/Re xanh phấn	IIA
		Cinnamomum parthenoxylon/Vù hương (Xá xị, Re hương)	IIA
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#12] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, gỗ ép và chiết xuất. Sản phẩm hoàn chỉnh chứa thành phần chiết xuất, kể cả chất tạo hương, không thuộc điều chỉnh của chú giải này.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		***Afzelia* spp.**[#17]/Pod mahoganies/Các loài thuộc chi Gõ đỏ *Afzelia* (Chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Dalbergia* spp.**[#15]/Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES
		Dalbergia nigra/Brazilian rosewood/Trắc đen brazin	I CITES
		Afzelia xylocarpa/Gõ đỏ (Cà te)	IIA
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		Dalbergia oliveri/Cẩm lai	II CITES; IIA
		Dalbergia rimosa/Trắc dây	II CITES; IIA
		Dalbergia tonkinensis/Sưa	II CITES; IIA
		Pterocarpus macrocarpus/Giáng hương quả to	IIA
		Sindora siamensis/Gụ mật (Gõ mật)	IIA
		Sindora tonkinensis/Gụ lau	IIA
		***Dipteryx* spp.**[#17]/Cumaru/Các loài thuộc chi *Dipteryx* (Có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Guibourtia demeuse [#15]/Guibourtia tree/Cây guibourtia	II CITES
		Guibourtia pellegriniana[#15]/Bubinga tree/Cây bubinga	II CITES
		Guibourtia tessmannii [#15]/Guibourtia tree/Cây gỗ guibourtia	II CITES
		Paubrasilia echinata[#10]/Pau Brasil	II CITES
		Pericopsis elata[#17]/African teak/Tếch châu phi	II CITES

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#10] Tất cả các bộ phận, dẫn xuất và sản phẩm hoàn chỉnh, ngoại trừ các nhạc cụ hoàn chỉnh, các linh kiện nhạc cụ và các bộ phận nhạc cụ hoàn chỉnh để tái xuất khẩu.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Platymiscium parviflorum[#4]/Quira macawood/Cây platysicium	II CITES
		Pterocarpus* spp.**[#17]/Padauk/Các loài thuộc chi Giáng hương *Pterocarpus* (trừ ***Pterocarpus santalinus quy định tại Phụ lục II với chú giải #7; chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể khác không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Pterocarpus santalinus[#7]/Red sandal wood/Giáng hương santa	II CITES
		Magnoliaceae/Magnolias/Họ Mộc lan	
		Magnolia liliifera* var. *obovata[#1]/Magnolia/Mộc lan trứng ngược (Nepal)	III CITES
		Meliaceae/Mahoganies, West Indian cedar/Họ Xoan	
		***Cedrela* spp.**[#6] (Chỉ áp dụng đối với các quần thể ở Trung và Nam Mỹ, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#7] Gỗ tròn, dăm gỗ, bột gỗ và các sản phẩm chiết xuất từ gỗ.

[#1] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Hạt, bào tử và hạt phấn (gồm cả túi phấn);

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo; và

d) Quả và các bộ phận, dẫn xuất từ từ cây được nhân giống nhân tạo của chi *Vanilla.*

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		***Khaya* spp.**[#17]/African mahoganies/Các loài thuộc chi Xà cừ *Khaya* (chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia humilis[#4]/Pacific coast mahogany/Dái ngựa lùn	II CITES
		Swietenia macrophylla [#6]/Bigleaf mahogany/Dái ngựa (Các quần thể ở Trung và Nam Mỹ các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia mahagoni [#5]/Small mahogany/Dái ngựa nhỏ	II CITES
		Oleaceae/Machurian ash/Họ Nhài	
		Fraxinus mandshurica [#5]/Sồi fraxinus (Liên bang Nga)	III CITES
		Rosaceae/African cherry/Họ Hoa hồng	
		Prunus africana [#4]/African cherry/Anh đào châu phi	II CITES
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata [#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/ Họ Trầm	
		Aquilaria spp.[#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.**[#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES
		Zygophyllaceae/Lignum-vitae/Họ Tật lê	
		Bulnesia sarmientoi[#11]/Palo Santo or Holy wood/ Loài gỗ thánh	II CITES
		***Guaiacum* spp.**[#2]/Guai/Các loài thuộc chi *Guaiacum*	II CITES

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương đã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#11] Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm ván lạng, ván ép, bột gỗ và các chiết xuất. Gỗ thành phẩm có chứa chiết xuất làm thành phần, bao gồm cả nước hoa, không thuộc điều chỉnh bởi chú giải này.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Dipterocarpaceae/Họ Dầu	
		Hopea cordata/Sao hình tim	IA
		Hopea pierrei/Kiền kiền phú quốc	IA
		Hopea reticulata/Sao mạng cà ná	IA
		Shorea falcata/Chai lá cong	IA
		Clusiaceae/Họ Măng cụt	
		Garcinia fagraeoides/Trai	IIA
		Tiliaceae/Họ Đay	
		Burretiodendron tonkinense (Excentrodendron tonkinense)/Nghiến	IIA
9401.80.00	- Ghế khác, bao gồm:		
		Araucariaceae/Monkey-puzzle tree/Họ Bách tán	
		Araucaria araucana/Monkey-puzzel tree/Bách tán araucana	I CITES
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Fitzroya cupressoides/Alerce/Tùng fitzroya	I CITES
		Pilgerodendron uviferum/Pilgerodendron/Tùng pilgerodendron	I CITES
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cunninghamia konishii/Sa mộc dầu	IA
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
		Glyptostrobus pensilis/Thông nước	IA
		Taiwania cryptomerioides/Bách đài loan	IA
		Xanthocyparis vietnamensis (Cupressus vietnamensis)/Bách vàng	IA
		Calocedrus macrolepis/Bách xanh	IIA
		Calocedrus rupestris/Bách xanh núi đá	IIA
		Fokienia hodginsii/Pơ mu	IIA
		Pinaceae/ Firs and pines/Họ Thông	
		Abies guatemalensis/Guatemalan fir/Linh sam guatemala	I CITES

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Pinus koraiensis[#5]/Korean pine/Thông triều tiên (Liên bang Nga)	III CITES
		Abies delavayi subsp. Fansipanensis/Vân sam phan si păng	IA
		Keteleeria davidiana/Du sam đá vôi	IA
		Pinus cernua/Thông xuân nha (5 lá rủ)	IIA
		Pinus dalatensis/Thông đà lạt	IIA
		Pinus hwangshanensis/Thông hai lá quả nhỏ (Thông đá vôi quả nhỏ)	IIA
		Pinus krempfii/Thông lá dẹt	IIA
		Pseudotsuga brevifolia/Thiết sam giả lá ngắn	IIA
		Podocarpaceae/Podocarps/Họ Kim giao	
		Podocarpus neriifolius [#1]/Faux Pemou/Thông tre (Nepal)	III CITES
		Podocarpus pilgeri/Thông tre lá ngắn	IIA
		Podocarpus parlatorei/Parlatore's podocarp/Kim giao parlatore	I CITES
		Taxaceae/Himalayan yew/Họ Thông đỏ	
		Taxus chinensis [#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Chinese yew/Thông đỏ lá ngắn (Thông đỏ trung hoa)	II CITES; IIA
		Taxus cuspidata [P6#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Japanese yew or Spreading yew/Thông đỏ nhật bản	II CITES
		Taxus fuana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/West Himalayan yew/Thông đỏ tây himalaya	II CITES
		Taxus sumatrana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Sumatera yew/Thông đỏ sumatra	II CITES
		Taxus wallichiana[#2]/Himalayan yew/Thông đỏ lá dài (Thông đỏ himalaya)	II CITES; IIA
		Cephalotaxaceae/Họ Đỉnh tùng	

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

[P6] Các giống và giống lai được nhân giống nhân tạo của loài *Taxus cuspidata*, dạng sống, trong chậu hoặc các vật chứa nhỏ khác, mỗi lô hàng được dán nhãn hoặc tài liệu ghi rõ tên của đơn vị phân loại hoặc đơn vị phân loại và mang dòng chữ 'nhân giống nhân tạo', không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Cephalotaxus mannii/Đỉnh tùng (Phỉ ba mũi)	IIA
		Bignoniaceae/Trumpet trees/Họ Núc nác (Họ Đinh)	
		Handroanthus spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Handroanthus* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Roseodendron spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Roseodendron* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Tabebuia spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Tabebuia* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Fernandoa spp./Các loài Đinh thuộc chi *Fernandoa*	IIA
		Caryocaraceae/Ajo/Họ Ajo	
		Caryocar costarricense[#4]/Ajo/Caryocar/Cây ajo	II CITES
		Ebenaceae/Ebonies/Họ Thị	
		Diospyros spp.[#5]/Malagasy ebony/Các loài Mun madagascar (Chỉ áp dụng với quần thể của Madagascar, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Diospyros mun/Mun	II CITES; IIA
		Diospyros sailetii/Mun sọc	II CITES; IIA

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata, *Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Fagaceae/Mongolian oak/Họ Dẻ	
		Quercus mongolica[#5]/Mongolian oak/Sồi mông cổ (Liên bang Nga)	III CITES
		Juglandaceae/Gavilan/Họ Hồ đào	
		Oreomunnea pterocarpa[#4]/Gavilan (walnut)/Óc chó	II CITES
		Lauraceae/Brazilian rosewood/Họ Long não (Họ Nguyệt quế)	
		Aniba rosaeodora[#12]/Car-Cara/Gỗ đỏ	II CITES
		Cinnamomum balansae/Gù hương (Quế balansa)	IIA
		Cinnamomum glaucescens/Re xanh phấn	IIA
		Cinnamomum parthenoxylon/Vù hương (Xá xị, Re hương)	IIA
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Afzelia* spp.**[#17]/Pod mahoganies/Các loài thuộc chi Gõ đỏ *Afzelia* (Chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Dalbergia* spp.**[#15]/Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES
		Dalbergia nigra/Brazilian rosewood/Trắc đen brazin	I CITES
		Afzelia xylocarpa/Gõ đỏ (Cà te)	IIA
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		Dalbergia oliveri/Cẩm lai	II CITES; IIA

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#12] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, gỗ ép và chiết xuất. Sản phẩm hoàn chỉnh chứa thành phần chiết xuất, kể cả chất tạo hương, không thuộc điều chỉnh của chú giải này.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Dalbergia rimosa/Trắc dây	II CITES; IIA
		Dalbergia tonkinensis/Sưa	II CITES; IIA
		Pterocarpus macrocarpus/Giáng hương quả to	IIA
		Sindora siamensis/Gụ mật (Gõ mật)	IIA
		Sindora tonkinensis/Gụ lau	IIA
		***Dipteryx* spp.**[#17]/Cumaru/Các loài thuộc chi *Dipteryx* (Có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Guibourtia demeuse [#15]/Guibourtia tree/Cây guibourtia	II CITES
		Guibourtia pellegriniana[#15]/Bubinga tree/Cây bubinga	II CITES
		Guibourtia tessmannii [#15]/Guibourtia tree/Cây gỗ guibourtia	II CITES
		Paubrasilia echinata[#10]/Pau Brasil	II CITES
		Pericopsis elata[#17]/African teak/Tếch châu phi	II CITES
		Platymiscium parviflorum[#4]/Quira macawood/Cây platysicium	II CITES
		Pterocarpus* spp.**[#17]/Padauk/Các loài thuộc chi Giáng hương *Pterocarpus* (trừ ***Pterocarpus santalinus quy định tại Phụ lục II với chú giải #7; chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể khác không quy định tại Phụ lục)	II CITES

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#10] Tất cả các bộ phận, dẫn xuất và sản phẩm hoàn chỉnh, ngoại trừ các nhạc cụ hoàn chỉnh, các linh kiện nhạc cụ và các bộ phận nhạc cụ hoàn chỉnh để tái xuất khẩu.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata, *Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Pterocarpus santalinus[#7]/Red sandal wood/Giáng hương santa	II CITES
		Magnoliaceae/Magnolias/Họ Mộc lan	
		Magnolia liliifera* var. *obovata[#1]/Magnolia/Mộc lan trứng ngược (Nepal)	III CITES
		Meliaceae/Mahoganies, West Indian cedar/Họ Xoan	
		***Cedrela* spp.**[#6] (Chỉ áp dụng đối với các quần thể ở Trung và Nam Mỹ, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Khaya* spp.**[#17]/African mahoganies/Các loài thuộc chi Xà cừ *Khaya* (chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia humilis[#4]/Pacific coast mahogany/Dái ngựa lùn	II CITES
		Swietenia macrophylla [#6]/Bigleaf mahogany/Dái ngựa (Các quần thể ở Trung và Nam Mỹ các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES

[#7] Gỗ tròn, dăm gỗ, bột gỗ và các sản phẩm chiết xuất từ gỗ.

[#1] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Hạt, bào tử và hạt phấn (gồm cả túi phấn);

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo; và

d) Quả và các bộ phận, dẫn xuất từ cây được nhân giống nhân tạo của chi *Vanilla.*

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Swietenia mahagoni [#5]/Small mahogany/Dái ngựa nhỏ	II CITES
		Oleaceae/Machurian ash/Họ Nhài	
		Fraxinus mandshurica [#5]/Sồi fraxinus (Liên bang Nga)	III CITES
		Rosaceae/African cherry/Họ Hoa hồng	
		Prunus africana [#4]/African cherry/Anh đào châu phi	II CITES
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata [#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/ Họ Trầm	
		Aquilaria spp. [#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.** [#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương đã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES
		Zygophyllaceae/Lignum-vitae/Họ Tật lê	
		Bulnesia sarmientoi[#11]/Palo Santo or Holy wood/ Loài gỗ thánh	II CITES
		***Guaiacum* spp.**[#2]/Guai/Các loài thuộc chi *Guaiacum*	II CITES
		Dipterocarpaceae/Họ Dầu	
		Hopea cordata/Sao hình tim	IA
		Hopea pierrei/Kiền kiền phú quốc	IA
		Hopea reticulata/Sao mạng cà ná	IA
		Shorea falcata/Chai lá cong	IA
		Clusiaceae/Họ Măng cụt	
		Garcinia fagraeoides/Trai	IIA
		Tiliaceae/Họ Đay	
		Burretiodendron tonkinense (Excentrodendron tonkinense)/ Nghiến	IIA
	- Bộ phận:		
9401.91.00	- - Bằng gỗ, bao gồm:		
		Araucariaceae/Monkey-puzzle tree/Họ Bách tán	
		Araucaria araucana/Monkey-puzzel tree/Bách tán araucana	I CITES
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Fitzroya cupressoides/Alerce/Tùng fitzroya	I CITES
		Pilgerodendron uviferum/Pilgerodendron/Tùng pilgerodendron	I CITES
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cunninghamia konishii/Sa mộc dầu	IA
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA

[#11] Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm ván lạng, ván ép, bột gỗ và các chiết xuất. Gỗ thành phẩm có chứa chiết xuất làm thành phần, bao gồm cả nước hoa, không thuộc điều chỉnh bởi chú giải này.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Glyptostrobus pensilis/Thông nước	IA
		Taiwania cryptomerioides/Bách đài loan	IA
		Xanthocyparis vietnamensis (Cupressus vietnamensis)/ Bách vàng	IA
		Calocedrus macrolepis/Bách xanh	IIA
		Calocedrus rupestris/Bách xanh núi đá	IIA
		Fokienia hodginsii/Pơ mu	IIA
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Abies guatemalensis/Guatemalan fir/Linh sam guatemala	I CITES
		Pinus koraiensis [#5]/Korean pine/Thông triều tiên (Liên bang Nga)	III CITES
		Abies delavayi subsp. Fansipanensis/Vân sam phan si păng	IA
		Keteleeria davidiana/Du sam đá vôi	IA
		Pinus cernua/Thông xuân nha (5 lá rủ)	IIA
		Pinus dalatensis/Thông đà lạt	IIA
		Pinus hwangshanensis/Thông hai lá quả nhỏ (Thông đá vôi quả nhỏ)	IIA
		Pinus krempfii/Thông lá dẹt	IIA
		Pseudotsuga brevifolia/Thiết sam giả lá ngắn	IIA
		Podocarpaceae/Podocarps/Họ Kim giao	
		Podocarpus neriifolius [#1]/Faux Pemou/Thông tre (Nepal)	III CITES
		Podocarpus pilgeri/Thông tre lá ngắn	IIA
		Podocarpus parlatorei/Parlatore's podocarp/Kim giao parlatore	I CITES
		Taxaceae/Himalayan yew/Họ Thông đỏ	
		Taxus chinensis [#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Chinese yew/Thông đỏ lá ngắn (Thông đỏ trung hoa)	II CITES; IIA

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Taxus cuspidata [P6#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Japanese yew or Spreading yew/Thông đỏ nhật bản	II CITES
		Taxus fuana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/West Himalayan yew/Thông đỏ tây himalaya	II CITES
		Taxus sumatrana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Sumatera yew/Thông đỏ sumatra	II CITES
		Taxus wallichiana[#2]/Himalayan yew/Thông đỏ lá dài (Thông đỏ himalaya)	II CITES; IIA
		Cephalotaxaceae/Họ Đỉnh tùng	
		Cephalotaxus mannii/Đỉnh tùng (Phỉ ba mũi)	IIA
		Bignoniaceae/Trumpet trees/Họ Núc nác (Họ Đinh)	
		Handroanthus spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Handroanthus* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Roseodendron spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Roseodendron* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Tabebuia spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Tabebuia* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Fernandoa spp./Các loài Đinh thuộc chi *Fernandoa*	IIA
		Caryocaraceae/Ajo/Họ Ajo	
		Caryocar costarricense[#4]/Ajo/Caryocar/Cây ajo	II CITES

[P6] Các giống và giống lai được nhân giống nhân tạo của loài *Taxus cuspidata*, dạng sống, trong chậu hoặc các vật chứa nhỏ khác, mỗi lô hàng được dán nhãn hoặc tài liệu ghi rõ tên của đơn vị phân loại hoặc đơn vị phân loại và mang dòng chữ 'nhân giống nhân tạo', không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Ebenaceae/Ebonies/Họ Thị	
		Diospyros spp.[#5]/Malagasy ebony/Các loài Mun madagascar (Chỉ áp dụng với quần thể của Madagascar, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Diospyros mun/Mun	II CITES; IIA
		Diospyros sailetii/Mun sọc	II CITES; IIA
		Fagaceae/Mongolian oak/Họ Dẻ	
		Quercus mongolica[#5]/Mongolian oak/Sồi mông cổ (Liên bang Nga)	III CITES
		Juglandaceae/Gavilan/Họ Hồ đào	
		Oreomunnea pterocarpa[#4]/Gavilan (walnut)/Óc chó	II CITES
		Lauraceae/Brazilian rosewood/Họ Long não (Họ Nguyệt quế)	
		Aniba rosaeodora[#12]/Car-Cara/Gỗ đỏ	II CITES
		Cinnamomum balansae/Gù hương (Quế balansa)	IIA
		Cinnamomum glaucescens/Re xanh phấn	IIA
		Cinnamomum parthenoxylon/Vù hương (Xá xị, Re hương)	IIA
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Afzelia* spp.**[#17]/Pod mahoganies/Các loài thuộc chi Gõ đỏ *Afzelia* (Chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Dalbergia* spp.**[#15]/Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata, *Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#12] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, gỗ ép và chiết xuất. Sản phẩm hoàn chỉnh chứa thành phần chiết xuất, kể cả chất tạo hương, không thuộc điều chỉnh của chú giải này.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Dalbergia nigra/Brazilian rosewood/Trắc đen brazin	I CITES
		Afzelia xylocarpa/Gõ đỏ (Cà te)	IIA
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		Dalbergia oliveri/Cẩm lai	II CITES; IIA
		Dalbergia rimosa/Trắc dây	II CITES; IIA
		Dalbergia tonkinensis/Sưa	II CITES; IIA
		Pterocarpus macrocarpus/Giáng hương quả to	IIA
		Sindora siamensis/Gụ mật (Gõ mật)	IIA
		Sindora tonkinensis/Gụ lau	IIA
		***Dipteryx* spp.**[#17]/Cumaru/Các loài thuộc chi *Dipteryx* (Có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Guibourtia demeuse [#15]/Guibourtia tree/Cây guibourtia	II CITES
		Guibourtia pellegriniana[#15]/Bubinga tree/Cây bubinga	II CITES
		Guibourtia tessmannii[#15]/Guibourtia tree/Cây gỗ guibourtia	II CITES
		Paubrasilia echinata[#10]/Pau Brasil	II CITES
		Pericopsis elata[#17]/African teak/Tếch châu phi	II CITES
		Platymiscium parviflorum[#4]/Quira macawood/ Cây platysicium	II CITES

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#10] Tất cả các bộ phận, dẫn xuất và sản phẩm hoàn chỉnh, ngoại trừ các nhạc cụ hoàn chỉnh, các linh kiện nhạc cụ và các bộ phận nhạc cụ hoàn chỉnh để tái xuất khẩu.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata, *Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Pterocarpus* spp.**[#17]/Padauk/Các loài thuộc chi Giáng hương *Pterocarpus* (trừ ***Pterocarpus santalinus quy định tại Phụ lục II với chú giải #7; chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể khác không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Pterocarpus santalinus[#7]/Red sandal wood/Giáng hương santa	II CITES
		Magnoliaceae/Magnolias/Họ Mộc lan	
		Magnolia liliifera* var. *obovata[#1]/Magnolia/Mộc lan trứng ngược (Nepal)	III CITES
		Meliaceae/Mahoganies, West Indian cedar/Họ Xoan	
		***Cedrela* spp.**[#6] (Chỉ áp dụng đối với các quần thể ở Trung và Nam Mỹ, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Khaya* spp.**[#17]/African mahoganies/Các loài thuộc chi Xà cừ *Khaya* (chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia humilis[#4]/Pacific coast mahogany/Dái ngựa lùn	II CITES

[#7] Gỗ tròn, dăm gỗ, bột gỗ và các sản phẩm chiết xuất từ gỗ.

[#1] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Hạt, bào tử và hạt phấn (gồm cả túi phấn);

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo; và

d) Quả và các bộ phận, dẫn xuất từ cây được nhân giống nhân tạo của chi *Vanilla.*

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Swietenia macrophylla [#6]/Bigleaf mahogany/Dái ngựa (Các quần thể ở Trung và Nam Mỹ các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia mahagoni [#5]/Small mahogany/Dái ngựa nhỏ	II CITES
		Oleaceae/Machurian ash/Họ Nhài	
		Fraxinus mandshurica [#5]/Sồi fraxinus (Liên bang Nga)	III CITES
		Rosaceae/African cherry/Họ Hoa hồng	
		Prunus africana [#4]/African cherry/Anh đào châu phi	II CITES
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata [#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/Họ Trầm	
		Aquilaria spp. [#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.** [#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương đã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES
		Zygophyllaceae/Lignum-vitae/Họ Tật lê	
		Bulnesia sarmientoi[#11]/Palo Santo or Holy wood/ Loài gỗ thánh	II CITES
		***Guaiacum* spp.**[#2]/Guai/Các loài thuộc chi *Guaiacum*	II CITES
		Dipterocarpaceae/Họ Dầu	
		Hopea cordata/Sao hình tim	IA
		Hopea pierrei/Kiền kiền phú quốc	IA
		Hopea reticulata/Sao mạng cà ná	IA
		Shorea falcata/Chai lá cong	IA
		Clusiaceae/Họ Măng cụt	
		Garcinia fagraeoides/Trai	IIA
		Tiliaceae/Họ Đay	
		Burretiodendron tonkinense (Excentrodendron tonkinense)/ Nghiến	IIA
94.03	**Đồ nội thất khác và các bộ phận của chúng**		
9403.30.00	- Đồ nội thất bằng gỗ loại sử dụng trong văn phòng, bao gồm:		
		Araucariaceae/Monkey-puzzle tree/Họ Bách tán	
		Araucaria araucana/Monkey-puzzel tree/Bách tán araucana	I CITES
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Fitzroya cupressoides/Alerce/Tùng fitzroya	I CITES
		Pilgerodendron uviferum/Pilgerodendron/Tùng pilgerodendron	I CITES
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cunninghamia konishii/Sa mộc dầu	IA
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
		Glyptostrobus pensilis/Thông nước	IA

[#11] Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm ván lạng, ván ép, bột gỗ và các chiết xuất. Gỗ thành phẩm có chứa chiết xuất làm thành phần, bao gồm cả nước hoa, không thuộc điều chỉnh bởi chú giải này.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Taiwania cryptomerioides/Bách đài loan	IA
		Xanthocyparis vietnamensis (Cupressus vietnamensis)/ Bách vàng	IA
		Calocedrus macrolepis/Bách xanh	IIA
		Calocedrus rupestris/Bách xanh núi đá	IIA
		Fokienia hodginsii/Pơ mu	IIA
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Abies guatemalensis/Guatemalan fir/Linh sam guatemala	I CITES
		Pinus koraiensis [#5]/Korean pine/Thông triều tiên (Liên bang Nga)	III CITES
		Abies delavayi subsp. Fansipanensis/Vân sam phan si păng	IA
		Keteleeria davidiana/Du sam đá vôi	IA
		Pinus cernua/Thông xuân nha (5 lá rủ)	IIA
		Pinus dalatensis/Thông đà lạt	IIA
		Pinus hwangshanensis/Thông hai lá quả nhỏ (Thông đá vôi quả nhỏ)	IIA
		Pinus krempfii/Thông lá dẹt	IIA
		Pseudotsuga brevifolia/Thiết sam giả lá ngắn	IIA
		Podocarpaceae/Podocarps/Họ Kim giao	
		Podocarpus neriifolius [#1]/Faux Pemou/Thông tre (Nepal)	III CITES
		Podocarpus pilgeri/Thông tre lá ngắn	IIA
		Podocarpus parlatorei/Parlatore's podocarp/Kim giao parlatore	I CITES
		Taxaceae/Himalayan yew/Họ Thông đỏ	
		Taxus chinensis [#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Chinese yew/Thông đỏ lá ngắn (Thông đỏ trung hoa)	II CITES; IIA
		Taxus cuspidata [P6#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Japanese yew or Spreading yew/Thông đỏ nhật bản	II CITES

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

[P6] Các giống và giống lai được nhân giống nhân tạo của loài *Taxus cuspidata*, dạng sống, trong chậu hoặc các vật chứa nhỏ khác, mỗi lô hàng được dán nhãn hoặc tài liệu ghi rõ tên của đơn vị phân loại hoặc đơn vị phân loại và mang dòng chữ 'nhân giống nhân tạo', không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Taxus fuana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/West Himalayan yew/Thông đỏ tây himalaya	II CITES
		Taxus sumatrana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/Sumatera yew/Thông đỏ sumatra	II CITES
		Taxus wallichiana[#2]/Himalayan yew/Thông đỏ lá dài (Thông đỏ himalaya)	II CITES; IIA
		Cephalotaxaceae/Họ Đỉnh tùng	
		Cephalotaxus mannii/Đỉnh tùng (Phỉ ba mũi)	IIA
		Bignoniaceae/Trumpet trees/Họ Núc nác (Họ Đinh)	
		Handroanthus spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Handroanthus* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Roseodendron spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Roseodendron* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Tabebuia spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Tabebuia* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Fernandoa spp./Các loài Đinh thuộc chi *Fernandoa*	IIA
		Caryocaraceae/Ajo/Họ Ajo	
		Caryocar costarricense[#4]/Ajo/Caryocar/Cây ajo	II CITES

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata, *Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Ebenaceae/Ebonies/Họ Thị	
		Diospyros spp.[#5]/Malagasy ebony/Các loài Mun madagascar (Chỉ áp dụng với quần thể của Madagascar, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Diospyros mun/Mun	II CITES; IIA
		Diospyros sailetii/Mun sọc	II CITES; IIA
		Fagaceae/Mongolian oak/Họ Dẻ	
		Quercus mongolica[#5]/Mongolian oak/Sồi mông cổ (Liên bang Nga)	III CITES
		Juglandaceae/Gavilan/Họ Hồ đào	
		Oreomunnea pterocarpa[#4]/Gavilan (walnut)/Óc chó	II CITES
		Lauraceae/Brazilian rosewood/Họ Long não (Họ Nguyệt quế)	
		Aniba rosaeodora[#12]/Car-Cara/Gỗ đỏ	II CITES
		Cinnamomum balansae/Gù hương (Quế balansa)	IIA
		Cinnamomum glaucescens/Re xanh phấn	IIA
		Cinnamomum parthenoxylon/Vù hương (Xá xị, Re hương)	IIA
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Afzelia* spp.**[#17]/Pod mahoganies/Các loài thuộc chi Gõ đỏ *Afzelia* (Chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Dalbergia* spp.**[#15]/Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#12] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, gỗ ép và chiết xuất. Sản phẩm hoàn chỉnh chứa thành phần chiết xuất, kể cả chất tạo hương, không thuộc điều chỉnh của chú giải này.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Dalbergia nigra/Brazilian rosewood/Trắc đen brazin	I CITES
		Afzelia xylocarpa/Gõ đỏ (Cà te)	IIA
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		Dalbergia oliveri/Cẩm lai	II CITES; IIA
		Dalbergia rimosa/Trắc dây	II CITES; IIA
		Dalbergia tonkinensis/Sưa	II CITES; IIA
		Pterocarpus macrocarpus/Giáng hương quả to	IIA
		Sindora siamensis/Gụ mật (Gõ mật)	IIA
		Sindora tonkinensis/Gụ lau	IIA
		***Dipteryx* spp.**[#17]/Cumaru/Các loài thuộc chi *Dipteryx* (Có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Guibourtia demeuse [#15]/Guibourtia tree/Cây guibourtia	II CITES
		Guibourtia pellegriniana[#15]/Bubinga tree/Cây bubinga	II CITES
		Guibourtia tessmannii [#15]/Guibourtia tree/Cây gỗ guibourtia	II CITES
		Paubrasilia echinata[#10]/Pau Brasil	II CITES
		Pericopsis elata[#17]/African teak/Tếch châu phi	II CITES
		Platymiscium parviflorum[#4]/Quira macawood/Cây platysicium	II CITES
		Pterocarpus* spp.**[#17]/Padauk/Các loài thuộc chi Giáng hương *Pterocarpus* (trừ ***Pterocarpus santalinus quy	II CITES

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#10] Tất cả các bộ phận, dẫn xuất và sản phẩm hoàn chỉnh, ngoại trừ các nhạc cụ hoàn chỉnh, các linh kiện nhạc cụ và các bộ phận nhạc cụ hoàn chỉnh để tái xuất khẩu.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		định tại Phụ lục II với chú giải #7; chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể khác không quy định tại Phụ lục)	
		Pterocarpus santalinus[#7]/Red sandal wood/Giáng hương santa	II CITES
		Magnoliaceae/Magnolias/Họ Mộc lan	
		Magnolia liliifera* var. *obovata[#1]/Magnolia/Mộc lan trứng ngược (Nepal)	III CITES
		Meliaceae/Mahoganies, West Indian cedar/Họ Xoan	
		***Cedrela* spp.**[#6] (Chỉ áp dụng đối với các quần thể ở Trung và Nam Mỹ, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Khaya* spp.**[#17]/African mahoganies/Các loài thuộc chi Xà cừ *Khaya* (chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia humilis[#4]/Pacific coast mahogany/Dái ngựa lùn	II CITES

[#7] Gỗ tròn, dăm gỗ, bột gỗ và các sản phẩm chiết xuất từ gỗ.

[#1] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Hạt, bào tử và hạt phấn (gồm cả túi phấn);

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo; và

d) Quả và các bộ phận, dẫn xuất từ cây được nhân giống nhân tạo của chi *Vanilla.*

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Swietenia macrophylla [#6]/Bigleaf mahogany/Dái ngựa (Các quần thể ở Trung và Nam Mỹ các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia mahagoni [#5]/Small mahogany/Dái ngựa nhỏ	II CITES
		Oleaceae/Machurian ash/Họ Nhài	
		Fraxinus mandshurica [#5]/Sồi fraxinus (Liên bang Nga)	III CITES
		Rosaceae/African cherry/Họ Hoa hồng	
		Prunus africana [#4]/African cherry/Anh đào châu phi	II CITES
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata [#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/ Họ Trầm	
		Aquilaria spp. [#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.** [#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương đã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES
		Zygophyllaceae/Lignum-vitae/Họ Tật lê	
		Bulnesia sarmientoi[#11]/Palo Santo or Holy wood/ Loài gỗ thánh	II CITES
		***Guaiacum* spp.**[#2]/Guai/Các loài thuộc chi *Guaiacum*	II CITES
		Dipterocarpaceae/Họ Dầu	
		Hopea cordata/Sao hình tim	IA
		Hopea pierrei/Kiền kiền phú quốc	IA
		Hopea reticulata/Sao mạng cà ná	IA
		Shorea falcata/Chai lá cong	IA
		Clusiaceae/Họ Măng cụt	
		Garcinia fagraeoides/Trai	IIA
		Tiliaceae/Họ Đay	
		Burretiodendron tonkinense (Excentrodendron tonkinense)/ Nghiến	IIA
9403.40.00	- Đồ nội thất bằng gỗ loại sử dụng trong nhà bếp, bao gồm:		
		Araucariaceae/Monkey-puzzle tree/Họ Bách tán	
		Araucaria araucana/Monkey-puzzel tree/Bách tán araucana	I CITES
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Fitzroya cupressoides/Alerce/Tùng fitzroya	I CITES
		Pilgerodendron uviferum/Pilgerodendron/Tùng pilgerodendron	I CITES
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cunninghamia konishii/Sa mộc dầu	IA
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
		Glyptostrobus pensilis/Thông nước	IA

[#11] Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm ván lạng, ván ép, bột gỗ và các chiết xuất. Gỗ thành phẩm có chứa chiết xuất làm thành phần, bao gồm cả nước hoa, không thuộc điều chỉnh bởi chú giải này.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Taiwania cryptomerioides/Bách đài loan	IA
		Xanthocyparis vietnamensis (Cupressus vietnamensis)/ Bách vàng	IA
		Calocedrus macrolepis/Bách xanh	IIA
		Calocedrus rupestris/Bách xanh núi đá	IIA
		Fokienia hodginsii/Pơ mu	IIA
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Abies guatemalensis/Guatemalan fir/Linh sam guatemala	I CITES
		Pinus koraiensis [#5]/Korean pine/Thông triều tiên (Liên bang Nga)	III CITES
		Abies delavayi subsp. Fansipanensis/Vân sam phan si păng	IA
		Keteleeria davidiana/Du sam đá vôi	IA
		Pinus cernua/Thông xuân nha (5 lá rủ)	IIA
		Pinus dalatensis/Thông đà lạt	IIA
		Pinus hwangshanensis/Thông hai lá quả nhỏ (Thông đá vôi quả nhỏ)	IIA
		Pinus krempfii/Thông lá dẹt	IIA
		Pseudotsuga brevifolia/Thiết sam giả lá ngắn	IIA
		Podocarpaceae/Podocarps/Họ Kim giao	
		Podocarpus neriifolius [#1]/Faux Pemou/Thông tre (Nepal)	III CITES
		Podocarpus pilgeri/Thông tre lá ngắn	IIA
		Podocarpus parlatorei/Parlatore's podocarp/Kim giao parlatore	I CITES
		Taxaceae/ Himalayan yew/Họ Thông đỏ	
		Taxus chinensis [#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Chinese yew/Thông đỏ lá ngắn (Thông đỏ trung hoa)	II CITES; IIA

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Taxus cuspidata [P6#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Japanese yew or Spreading yew/Thông đỏ nhật bản	II CITES
		Taxus fuana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/West Himalayan yew/Thông đỏ tây himalaya	II CITES
		Taxus sumatrana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Sumatera yew/Thông đỏ sumatra	II CITES
		Taxus wallichiana[#2]/Himalayan yew/Thông đỏ lá dài (Thông đỏ himalaya)	II CITES; IIA
		Cephalotaxaceae/Họ Đỉnh tùng	
		Cephalotaxus mannii/Đỉnh tùng (Phỉ ba mũi)	IIA
		Bignoniaceae/Trumpet trees/Họ Núc nác (Họ Đinh)	
		Handroanthus spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Handroanthus* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Roseodendron spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Roseodendron* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Tabebuia spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Tabebuia* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Fernandoa spp./Các loài Đinh thuộc chi *Fernandoa*	IIA
		Caryocaraceae/Ajo/Họ Ajo	
		Caryocar costarricense [#4]/Ajo/Caryocar/Cây ajo	II CITES

[P6] Các giống và giống lai được nhân giống nhân tạo của loài *Taxus cuspidata*, dạng sống, trong chậu hoặc các vật chứa nhỏ khác, mỗi lô hàng được dán nhãn hoặc tài liệu ghi rõ tên của đơn vị phân loại hoặc đơn vị phân loại và mang dòng chữ 'nhân giống nhân tạo', không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Ebenaceae/Ebonies/Họ Thị	
		Diospyros spp.[#5]/Malagasy ebony/Các loài Mun madagascar (Chỉ áp dụng với quần thể của Madagascar, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Diospyros mun/Mun	II CITES; IIA
		Diospyros sailetii/Mun sọc	II CITES; IIA
		Fagaceae/Mongolian oak/Họ Dẻ	
		Quercus mongolica[#5]/Mongolian oak/Sồi mông cổ (Liên bang Nga)	III CITES
		Juglandaceae/Gavilan/Họ Hồ đào	
		Oreomunnea pterocarpa[#4]/Gavilan (walnut)/Óc chó	II CITES
		Lauraceae/Brazilian rosewood/Họ Long não (Họ Nguyệt quế)	
		Aniba rosaeodora[#12]/Car-Cara/Gỗ đỏ	II CITES
		Cinnamomum balansae/Gù hương (Quế balansa)	IIA
		Cinnamomum glaucescens/Re xanh phấn	IIA
		Cinnamomum parthenoxylon/Vù hương (Xá xị, Re hương)	IIA
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Afzelia* spp.**[#17]/Pod mahoganies/Các loài thuộc chi Gõ đỏ *Afzelia* (Chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#12] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, gỗ ép và chiết xuất. Sản phẩm hoàn chỉnh chứa thành phần chiết xuất, kể cả chất tạo hương, không thuộc điều chỉnh của chú giải này.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		***Dalbergia* spp.**[#15] /Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES
		Dalbergia nigra/Brazilian rosewood/Trắc đen brazin	I CITES
		Afzelia xylocarpa/Gõ đỏ (Cà te)	IIA
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		Dalbergia oliveri/Cẩm lai	II CITES; IIA
		Dalbergia rimosa/Trắc dây	II CITES; IIA
		Dalbergia tonkinensis/Sưa	II CITES; IIA
		Pterocarpus macrocarpus/Giáng hương quả to	IIA
		Sindora siamensis/Gụ mật (Gõ mật)	IIA
		Sindora tonkinensis/Gụ lau	IIA
		***Dipteryx* spp.**[#17]/Cumaru/Các loài thuộc chi *Dipteryx* (Có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Guibourtia demeuse [#15]/Guibourtia tree/Cây guibourtia	II CITES
		Guibourtia pellegriniana[#15]/Bubinga tree/Cây bubinga	II CITES
		Guibourtia tessmannii [#15]/Guibourtia tree/Cây gỗ guibourtia	II CITES
		Paubrasilia echinata[#10]/Pau Brasil	II CITES
		Pericopsis elata[#17]/African teak/Tếch châu phi	II CITES

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#10] Tất cả các bộ phận, dẫn xuất và sản phẩm hoàn chỉnh, ngoại trừ các nhạc cụ hoàn chỉnh, các linh kiện nhạc cụ và các bộ phận nhạc cụ hoàn chỉnh để tái xuất khẩu.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Platymiscium parviflorum[#4]/Quira macawood/Cây platysicium	II CITES
		Pterocarpus* spp.**[#17]/Padauk/Các loài thuộc chi Giáng hương *Pterocarpus* (trừ ***Pterocarpus santalinus quy định tại Phụ lục II với chú giải #7; chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể khác không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Pterocarpus santalinus[#7]/Red sandal wood/Giáng hương santa	II CITES
		Magnoliaceae/Magnolias/Họ Mộc lan	
		Magnolia liliifera* var. *obovata[#1]/Magnolia/Mộc lan trứng ngược (Nepal)	III CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#7] Gỗ tròn, dăm gỗ, bột gỗ và các sản phẩm chiết xuất từ gỗ.

[#1] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Hạt, bào tử và hạt phấn (gồm cả túi phấn);

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo; và

d) Quả và các bộ phận, dẫn xuất từ cây được nhân giống nhân tạo của chi *Vanilla.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Meliaceae/Mahoganies, West Indian cedar/Họ Xoan	
		***Cedrela* spp.**[#6] (Chỉ áp dụng đối với các quần thể ở Trung và Nam Mỹ, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Khaya* spp.**[#17]/African mahoganies/Các loài thuộc chi Xà cừ *Khaya* (chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia humilis[#4]/Pacific coast mahogany/Dái ngựa lùn	II CITES
		Swietenia macrophylla [#6]/Bigleaf mahogany/Dái ngựa (Các quần thể ở Trung và Nam Mỹ các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia mahagoni [#5]/Small mahogany/Dái ngựa nhỏ	II CITES
		Oleaceae/Machurian ash/Họ Nhài	
		Fraxinus mandshurica [#5]/Sồi fraxinus (Liên bang Nga)	III CITES

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Rosaceae/African cherry/Họ Hoa hồng	
		Prunus africana [#4]/African cherry/Anh đào châu phi	II CITES
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata [#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/ Họ Trầm	
		Aquilaria spp. [#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.** [#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES
		Gyrinops spp. [#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương đã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Zygophyllaceae/Lignum-vitae/Họ Tật lê	
		Bulnesia sarmientoi[#11]/Palo Santo or Holy wood/ Loài gỗ thánh	II CITES
		***Guaiacum* spp.**[#2]/Guai/Các loài thuộc chi *Guaiacum*	II CITES
		Dipterocarpaceae/Họ Dầu	
		Hopea cordata/Sao hình tim	IA
		Hopea pierrei/Kiền kiền phú quốc	IA
		Hopea reticulata/Sao mạng cà ná	IA
		Shorea falcata/Chai lá cong	IA
		Clusiaceae/Họ Măng cụt	
		Garcinia fagraeoides/Trai	IIA
		Tiliaceae/Họ Đay	
		Burretiodendron tonkinense (Excentrodendron tonkinense)/ Nghiến	IIA
9403.50.00	- Đồ nội thất bằng gỗ loại sử dụng trong phòng ngủ, bao gồm:		
		Araucariaceae/Monkey-puzzle tree/Họ Bách tán	
		Araucaria araucana/Monkey-puzzel tree/Bách tán araucana	I CITES
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Fitzroya cupressoides/Alerce/Tùng fitzroya	I CITES
		Pilgerodendron uviferum/Pilgerodendron/Tùng pilgerodendron	I CITES
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cunninghamia konishii/Sa mộc dầu	IA
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
		Glyptostrobus pensilis/Thông nước	IA

[#11] Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm ván lạng, ván ép, bột gỗ và các chiết xuất. Gỗ thành phẩm có chứa chiết xuất làm thành phần, bao gồm cả nước hoa, không thuộc điều chỉnh bởi chú giải này.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Taiwania cryptomerioides/Bách đài loan	IA
		Xanthocyparis vietnamensis (Cupressus vietnamensis)/ Bách vàng	IA
		Calocedrus macrolepis/Bách xanh	IIA
		Calocedrus rupestris/Bách xanh núi đá	IIA
		Fokienia hodginsii/Pơ mu	IIA
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Abies guatemalensis/Guatemalan fir/Linh sam guatemala	I CITES
		Pinus koraiensis [#5]/Korean pine/Thông triều tiên (Liên bang Nga)	III CITES
		Abies delavayi subsp. Fansipanensis/Vân sam phan si păng	IA
		Keteleeria davidiana/Du sam đá vôi	IA
		Pinus cernua/Thông xuân nha (5 lá rủ)	IIA
		Pinus dalatensis/Thông đà lạt	IIA
		Pinus hwangshanensis/Thông hai lá quả nhỏ (Thông đá vôi quả nhỏ)	IIA
		Pinus krempfii/Thông lá dẹt	IIA
		Pseudotsuga brevifolia/Thiết sam giả lá ngắn	IIA
		Podocarpaceae/Podocarps/Họ Kim giao	
		Podocarpus neriifolius [#1]/Faux Pemou/Thông tre (Nepal)	III CITES
		Podocarpus pilgeri/Thông tre lá ngắn	IIA
		Podocarpus parlatorei/Parlatore's podocarp/Kim giao parlatore	I CITES
		Taxaceae/Himalayan yew/Họ Thông đỏ	
		Taxus chinensis [#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Chinese yew/Thông đỏ lá ngắn (Thông đỏ trung hoa)	II CITES; IIA

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Taxus cuspidata [P6#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Japanese yew or Spreading yew/Thông đỏ nhật bản	II CITES
		Taxus fuana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/West Himalayan yew/Thông đỏ tây himalaya	II CITES
		Taxus sumatrana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Sumatera yew/Thông đỏ sumatra	II CITES
		Taxus wallichiana[#2]/Himalayan yew/Thông đỏ lá dài (Thông đỏ himalaya)	II CITES; IIA
		Cephalotaxaceae/Họ Đỉnh tùng	
		Cephalotaxus mannii/Đỉnh tùng (Phỉ ba mũi)	IIA
		Bignoniaceae/Trumpet trees/Họ Núc nác (Họ Đinh)	
		Handroanthus spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Handroanthus* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Roseodendron spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Roseodendron* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Tabebuia spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Tabebuia* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Fernandoa spp./Các loài Đinh thuộc chi *Fernandoa*	IIA
		Caryocaraceae/Ajo/Họ Ajo	
		Caryocar costarricense[#4]/Ajo/Caryocar/Cây ajo	II CITES

[P6] Các giống và giống lai được nhân giống nhân tạo của loài *Taxus cuspidata*, dạng sống, trong chậu hoặc các vật chứa nhỏ khác, mỗi lô hàng được dán nhãn hoặc tài liệu ghi rõ tên của đơn vị phân loại hoặc đơn vị phân loại và mang dòng chữ 'nhân giống nhân tạo', không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Ebenaceae/Ebonies/Họ Thị	
		Diospyros spp.[#5]/Malagasy ebony/Các loài Mun madagascar (Chỉ áp dụng với quần thể của Madagascar, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Diospyros mun/Mun	II CITES; IIA
		Diospyros sailetii/Mun sọc	II CITES; IIA
		Fagaceae/Mongolian oak/Họ Dẻ	
		Quercus mongolica[#5]/Mongolian oak/Sồi mông cổ (Liên bang Nga)	III CITES
		Juglandaceae/Gavilan/Họ Hồ đào	
		Oreomunnea pterocarpa[#4]/Gavilan (walnut)/Óc chó	II CITES
		Lauraceae/Brazilian rosewood/Họ Long não (Họ Nguyệt quế)	
		Aniba rosaeodora[#12]/Car-Cara/Gỗ đỏ	II CITES
		Cinnamomum balansae/Gù hương (Quế balansa)	IIA
		Cinnamomum glaucescens/Re xanh phấn	IIA
		Cinnamomum parthenoxylon/Vù hương (Xá xị, Re hương)	IIA
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Afzelia* spp.**[#17]/Pod mahoganies/Các loài thuộc chi Gõ đỏ *Afzelia* (Chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#12] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, gỗ ép và chiết xuất. Sản phẩm hoàn chỉnh chứa thành phần chiết xuất, kể cả chất tạo hương, không thuộc điều chỉnh của chú giải này.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		***Dalbergia* spp.**[#15]/Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES
		Dalbergia nigra/Brazilian rosewood/Trắc đen brazin	I CITES
		Afzelia xylocarpa/Gõ đỏ (Cà te)	IIA
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		Dalbergia oliveri/Cẩm lai	II CITES; IIA
		Dalbergia rimosa/Trắc dây	II CITES; IIA
		Dalbergia tonkinensis/Sưa	II CITES; IIA
		Pterocarpus macrocarpus/Giáng hương quả to	IIA
		Sindora siamensis/Gụ mật (Gõ mật)	IIA
		Sindora tonkinensis/Gụ lau	IIA
		***Dipteryx* spp.**[#17]/Cumaru/Các loài thuộc chi *Dipteryx* (Có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Guibourtia demeuse [#15]/Guibourtia tree/Cây guibourtia	II CITES
		Guibourtia pellegriniana[#15]/Bubinga tree/Cây bubinga	II CITES
		Guibourtia tessmannii [#15]/Guibourtia tree/Cây gỗ guibourtia	II CITES
		Paubrasilia echinata[#10]/Pau Brasil	II CITES
		Pericopsis elata[#17]/African teak/Tếch châu phi	II CITES

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#10] Tất cả các bộ phận, dẫn xuất và sản phẩm hoàn chỉnh, ngoại trừ các nhạc cụ hoàn chỉnh, các linh kiện nhạc cụ và các bộ phận nhạc cụ hoàn chỉnh để tái xuất khẩu.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Platymiscium parviflorum[#4]/Quira macawood/Cây platysicium	II CITES
		Pterocarpus* spp.**[#17]/Padauk/Các loài thuộc chi Giáng hương *Pterocarpus* (trừ ***Pterocarpus santalinus quy định tại Phụ lục II với chú giải #7; chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể khác không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Pterocarpus santalinus[#7]/Red sandal wood/Giáng hương santa	II CITES
		Magnoliaceae/Magnolias/Họ Mộc lan	
		Magnolia liliifera* var. *obovata[#1]/Magnolia/Mộc lan trứng ngược (Nepal)	III CITES
		Meliaceae/Mahoganies, West Indian cedar/Họ Xoan	
		***Cedrela* spp.**[#6] (Chỉ áp dụng đối với các quần thể ở Trung và Nam Mỹ, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii*.

[#7] Gỗ tròn, dăm gỗ, bột gỗ và các sản phẩm chiết xuất từ gỗ.

[#1] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Hạt, bào tử và hạt phấn (gồm cả túi phấn);

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo; và

d) Quả và các bộ phận, dẫn xuất từ từ cây được nhân giống nhân tạo của chi *Vanilla.*

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		***Khaya* spp.**[#17]/African mahoganies/Các loài thuộc chi Xà cừ *Khaya* (chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia humilis[#4]/Pacific coast mahogany/Dái ngựa lùn	II CITES
		Swietenia macrophylla [#6]/Bigleaf mahogany/Dái ngựa (Các quần thể ở Trung và Nam Mỹ các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia mahagoni [#5]/Small mahogany/Dái ngựa nhỏ	II CITES
		Oleaceae/Machurian ash/Họ Nhài	
		Fraxinus mandshurica [#5]/Sồi fraxinus (Liên bang Nga)	III CITES
		Rosaceae/African cherry/Họ Hoa hồng	
		Prunus africana [#4]/African cherry/Anh đào châu phi	II CITES
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata [#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/ Họ Trầm	
		Aquilaria spp.[#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.**[#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES
		Zygophyllaceae/Lignum-vitae/Họ Tật lê	
		Bulnesia sarmientoi[#11]/Palo Santo or Holy wood/ Loài gỗ thánh	II CITES
		***Guaiacum* spp.**[#2]/Guai/Các loài thuộc chi *Guaiacum*	II CITES

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương đã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii*.

[#11] Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm ván lạng, ván ép, bột gỗ và các chiết xuất. Gỗ thành phẩm có chứa chiết xuất làm thành phần, bao gồm cả nước hoa, không thuộc điều chỉnh bởi chú giải này.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Dipterocarpaceae/Họ Dầu	
		Hopea cordata/Sao hình tim	IA
		Hopea pierrei/Kiền kiền phú quốc	IA
		Hopea reticulata/Sao mạng cà ná	IA
		Shorea falcata/Chai lá cong	IA
		Clusiaceae/Họ Măng cụt	
		Garcinia fagraeoides/Trai	IIA
		Tiliaceae/Họ Đay	
		Burretiodendron tonkinense (Excentrodendron tonkinense)/ Nghiến	IIA
9403.60	- Đồ nội thất bằng gỗ khác:		
9403.60.10	- - Tủ hút hơi độc (SEN)		
		Araucariaceae/Monkey-puzzle tree/Họ Bách tán	
		Araucaria araucana/Monkey-puzzel tree/Bách tán araucana	I CITES
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Fitzroya cupressoides/Alerce/Tùng fitzroya	I CITES
		Pilgerodendron uviferum/Pilgerodendron/Tùng pilgerodendron	I CITES
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cunninghamia konishii/Sa mộc dầu	IA
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
		Glyptostrobus pensilis/Thông nước	IA
		Taiwania cryptomerioides/Bách đài loan	IA
		Xanthocyparis vietnamensis (Cupressus vietnamensis)/ Bách vàng	IA
		Calocedrus macrolepis/Bách xanh	IIA
		Calocedrus rupestris/Bách xanh núi đá	IIA
		Fokienia hodginsii/Pơ mu	IIA
		Pinaceae/ Firs and pines/Họ Thông	
		Abies guatemalensis/Guatemalan fir/Linh sam guatemala	I CITES

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Pinus koraiensis [#5]/Korean pine/Thông triều tiên (Liên bang Nga)	III CITES
		Abies delavayi subsp. Fansipanensis/Vân sam phan si păng	IA
		Keteleeria davidiana/Du sam đá vôi	IA
		Pinus cernua/Thông xuân nha (5 lá rủ)	IIA
		Pinus dalatensis/Thông đà lạt	IIA
		Pinus hwangshanensis/Thông hai lá quả nhỏ (Thông đá vôi quả nhỏ)	IIA
		Pinus krempfii/Thông lá dẹt	IIA
		Pseudotsuga brevifolia/Thiết sam giả lá ngắn	IIA
		Podocarpaceae/Podocarps/Họ Kim giao	
		Podocarpus neriifolius [#1]/Faux Pemou/Thông tre (Nepal)	III CITES
		Podocarpus pilgeri/Thông tre lá ngắn	IIA
		Podocarpus parlatorei/Parlatore's podocarp/Kim giao parlatore	I CITES
		Taxaceae/Himalayan yew/Họ Thông đỏ	
		Taxus chinensis [#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Chinese yew/Thông đỏ lá ngắn (Thông đỏ trung hoa)	II CITES; IIA
		Taxus cuspidata [P6#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Japanese yew or Spreading yew/Thông đỏ nhật bản	II CITES
		Taxus fuana [#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/West Himalayan yew/Thông đỏ tây himalaya	II CITES

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

[P6] Các giống và giống lai được nhân giống nhân tạo của loài *Taxus cuspidata*, dạng sống, trong chậu hoặc các vật chứa nhỏ khác, mỗi lô hàng được dán nhãn hoặc tài liệu ghi rõ tên của đơn vị phân loại hoặc đơn vị phân loại và mang dòng chữ 'nhân giống nhân tạo', không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Taxus sumatrana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Sumatera yew/Thông đỏ sumatra	II CITES
		Taxus wallichiana[#2]/Himalayan yew/Thông đỏ lá dài (Thông đỏ himalaya)	II CITES; IIA
		Cephalotaxaceae/Họ Đỉnh tùng	
		Cephalotaxus mannii/Đỉnh tùng (Phỉ ba mũi)	IIA
		Bignoniaceae/Trumpet trees/Họ Núc nác (Họ Đinh)	
		Handroanthus spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Handroanthus* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Roseodendron spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Roseodendron* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Tabebuia spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Tabebuia* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Fernandoa spp./Các loài Đinh thuộc chi *Fernandoa*	IIA
		Caryocaraceae/Ajo/Họ Ajo	
		Caryocar costarricense[#4]/Ajo/Caryocar/Cây ajo	II CITES

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Ebenaceae/Ebonies/Họ Thị	
		Diospyros spp.[#5]/Malagasy ebony/Các loài Mun madagascar (Chỉ áp dụng với quần thể của Madagascar, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Diospyros mun/Mun	II CITES; IIA
		Diospyros sailetii/Mun sọc	II CITES; IIA
		Fagaceae/Mongolian oak/Họ Dẻ	
		Quercus mongolica[#5]/Mongolian oak/Sồi mông cổ (Liên bang Nga)	III CITES
		Juglandaceae/Gavilan/Họ Hồ đào	
		Oreomunnea pterocarpa[#4]/Gavilan (walnut)/Óc chó	II CITES
		Lauraceae/Brazilian rosewood/Họ Long não (Họ Nguyệt quế)	
		Aniba rosaeodora[#12]/Car-Cara/Gỗ đỏ	II CITES
		Cinnamomum balansae/Gù hương (Quế balansa)	IIA
		Cinnamomum glaucescens/Re xanh phấn	IIA
		Cinnamomum parthenoxylon/Vù hương (Xá xị, Re hương)	IIA
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Afzelia* spp.**[#17]/Pod mahoganies/Các loài thuộc chi Gõ đỏ *Afzelia* (Chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#12] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, gỗ ép và chiết xuất. Sản phẩm hoàn chỉnh chứa thành phần chiết xuất, kể cả chất tạo hương, không thuộc điều chỉnh của chú giải này.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		***Dalbergia* spp.**[#15]/Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES
		Dalbergia nigra/Brazilian rosewood/Trắc đen brazin	I CITES
		Afzelia xylocarpa/Gõ đỏ (Cà te)	IIA
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		Dalbergia oliveri/Cẩm lai	II CITES; IIA
		Dalbergia rimosa/Trắc dây	II CITES; IIA
		Dalbergia tonkinensis/Sưa	II CITES; IIA
		Pterocarpus macrocarpus/Giáng hương quả to	IIA
		Sindora siamensis/Gụ mật (Gõ mật)	IIA
		Sindora tonkinensis/Gụ lau	IIA
		***Dipteryx* spp.**[#17]/Cumaru/Các loài thuộc chi *Dipteryx* (Có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Guibourtia demeuse [#15]/Guibourtia tree/Cây guibourtia	II CITES
		Guibourtia pellegriniana[#15]/Bubinga tree/Cây bubinga	II CITES
		Guibourtia tessmannii [#15]/Guibourtia tree/Cây gỗ guibourtia	II CITES
		Paubrasilia echinata[#10]/Pau Brasil	II CITES
		Pericopsis elata[#17]/African teak/Tếch châu phi	II CITES

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#10] Tất cả các bộ phận, dẫn xuất và sản phẩm hoàn chỉnh, ngoại trừ các nhạc cụ hoàn chỉnh, các linh kiện nhạc cụ và các bộ phận nhạc cụ hoàn chỉnh để tái xuất khẩu.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Platymiscium parviflorum[#4]/Quira macawood/Cây platysicium	II CITES
		Pterocarpus* spp.**[#17]/Padauk/Các loài thuộc chi Giáng hương *Pterocarpus* (trừ ***Pterocarpus santalinus quy định tại Phụ lục II với chú giải #7; chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể khác không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Pterocarpus santalinus[#7]/Red sandal wood/Giáng hương santa	II CITES
		Magnoliaceae/Magnolias/Họ Mộc lan	
		Magnolia liliifera* var. *obovata[#1]/Magnolia/Mộc lan trứng ngược (Nepal)	III CITES
		Meliaceae/Mahoganies, West Indian cedar/Họ Xoan	
		***Cedrela* spp.**[#6] (Chỉ áp dụng đối với các quần thể ở Trung và Nam Mỹ, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loà Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#7] Gỗ tròn, dăm gỗ, bột gỗ và các sản phẩm chiết xuất từ gỗ.

[#1] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Hạt, bào tử và hạt phấn (gồm cả túi phấn);

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo; và

d) Quả và các bộ phận, dẫn xuất từ từ cây được nhân giống nhân tạo của chi *Vanilla.*

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		***Khaya* spp.**[#17]/African mahoganies/Các loài thuộc chi Xà cừ *Khaya* (chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia humilis[#4]/Pacific coast mahogany/Dái ngựa lùn	II CITES
		Swietenia macrophylla [#6]/Bigleaf mahogany/Dái ngựa (Các quần thể ở Trung và Nam Mỹ các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia mahagoni [#5]/Small mahogany/Dái ngựa nhỏ	II CITES
		Oleaceae/Machurian ash/Họ Nhài	
		Fraxinus mandshurica [#5]/Sồi fraxinus (Liên bang Nga)	III CITES
		Rosaceae/African cherry/Họ Hoa hồng	
		Prunus africana [#4]/African cherry/Anh đào châu phi	II CITES

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata[#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/ Họ Trầm	
		Aquilaria spp.[#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.**[#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương đã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Zygophyllaceae/ Lignum-vitae/Họ Tật lê	
		Bulnesia sarmientoi[#11]/Palo Santo or Holy wood/ Loài gỗ thánh	II CITES
		***Guaiacum* spp.**[#2]/Guai/Các loài thuộc chi *Guaiacum*	II CITES
		Dipterocarpaceae/Họ Dầu	
		Hopea cordata/Sao hình tim	IA
		Hopea pierrei/Kiền kiền phú quốc	IA
		Hopea reticulata/Sao mạng cà ná	IA
		Shorea falcata/Chai lá cong	IA
		Clusiaceae/Họ Măng cụt	
		Garcinia fagraeoides/Trai	IIA
		Tiliaceae/Họ Đay	
		Burretiodendron tonkinense (Excentrodendron tonkinense)/ Nghiến	IIA
9403.60.90	- - Loại khác, bao gồm:		
		Araucariaceae/Monkey-puzzle tree/Họ Bách tán	
		Araucaria araucana/Monkey-puzzel tree/Bách tán araucana	I CITES
		Cupressaceae/Cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Fitzroya cupressoides/Alerce/Tùng fitzroya	I CITES
		Pilgerodendron uviferum/Pilgerodendron/Tùng pilgerodendron	I CITES
		Widdringtonia whytei/Hoàng đàn malawi	II CITES
		Cunninghamia konishii/Sa mộc dầu	IA
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
		Glyptostrobus pensilis/Thông nước	IA

[#11] Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm ván lạng, ván ép, bột gỗ và các chiết xuất. Gỗ thành phẩm có chứa chiết xuất làm thành phần, bao gồm cả nước hoa, không thuộc điều chỉnh bởi chú giải này.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Taiwania cryptomerioides/Bách đài loan	IA
		Xanthocyparis vietnamensis (Cupressus vietnamensis)/ Bách vàng	IA
		Calocedrus macrolepis/Bách xanh	IIA
		Calocedrus rupestris/Bách xanh núi đá	IIA
		Fokienia hodginsii/Pơ mu	IIA
		Pinaceae/Firs and pines/Họ Thông	
		Abies guatemalensis/Guatemalan fir/Linh sam guatemala	I CITES
		Pinus koraiensis [#5]/Korean pine/Thông triều tiên (Liên bang Nga)	III CITES
		Abies delavayi subsp. Fansipanensis/Vân sam phan si păng	IA
		Keteleeria davidiana/Du sam đá vôi	IA
		Pinus cernua/Thông xuân nha (5 lá rủ)	IIA
		Pinus dalatensis/Thông đà lạt	IIA
		Pinus hwangshanensis/Thông hai lá quả nhỏ (Thông đá vôi quả nhỏ)	IIA
		Pinus krempfii/Thông lá dẹt	IIA
		Pseudotsuga brevifolia/Thiết sam giả lá ngắn	IIA
		Podocarpaceae/ Podocarps/Họ Kim giao	
		Podocarpus neriifolius [#1]/Faux Pemou/Thông tre (Nepal)	III CITES
		Podocarpus pilgeri/Thông tre lá ngắn	IIA
		Podocarpus parlatorei/Parlatore's podocarp/Kim giao parlatore	I CITES
		Taxaceae/Himalayan yew/Họ Thông đỏ	
		Taxus chinensis [#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Chinese yew/Thông đỏ lá ngắn (Thông đỏ trung hoa)	II CITES; IIA

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Taxus cuspidata [P6#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Japanese yew or Spreading yew/Thông đỏ nhật bản	II CITES
		Taxus fuana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/West Himalayan yew/Thông đỏ tây himalaya	II CITES
		Taxus sumatrana[#2] và các đơn vị phân loại thấp hơn/ Sumatera yew/Thông đỏ sumatra	II CITES
		Taxus wallichiana[#2]/Himalayan yew/Thông đỏ lá dài (Thông đỏ himalaya)	II CITES; IIA
		Cephalotaxaceae/Họ Đỉnh tùng	
		Cephalotaxus mannii/Đỉnh tùng (Phỉ ba mũi)	IIA
		Bignoniaceae/Trumpet trees/Họ Núc nác (Họ Đinh)	
		Handroanthus spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Handroanthus* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Roseodendron spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Roseodendron* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Tabebuia spp.[#17]/Các loài thuộc chi *Tabebuia* (có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Fernandoa spp./Các loài Đinh thuộc chi *Fernandoa*	IIA
		Caryocaraceae/Ajo/Họ Ajo	
		Caryocar costarricense [#4]/Ajo/Caryocar/Cây ajo	II CITES

[P6] Các giống và giống lai được nhân giống nhân tạo của loài *Taxus cuspidata*, dạng sống, trong chậu hoặc các vật chứa nhỏ khác, mỗi lô hàng được dán nhãn hoặc tài liệu ghi rõ tên của đơn vị phân loại hoặc đơn vị phân loại và mang dòng chữ 'nhân giống nhân tạo', không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Ebenaceae/Ebonies/Họ Thị	
		Diospyros spp.[#5]/Malagasy ebony/Các loài Mun madagascar (Chỉ áp dụng với quần thể của Madagascar, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Diospyros mun/Mun	II CITES; IIA
		Diospyros sailetii/Mun sọc	II CITES; IIA
		Fagaceae/Mongolian oak/Họ Dẻ	
		Quercus mongolica[#5]/Mongolian oak/Sồi mông cổ (Liên bang Nga)	III CITES
		Juglandaceae/Gavilan/Họ Hồ đào	
		Oreomunnea pterocarpa[#4]/Gavilan (walnut)/Óc chó	II CITES
		Lauraceae/Brazilian rosewood/Họ Long não (Họ Nguyệt quế)	
		Aniba rosaeodora[#12]/Car-Cara/Gỗ đỏ	II CITES
		Cinnamomum balansae/Gù hương (Quế balansa)	IIA
		Cinnamomum glaucescens/Re xanh phấn	IIA
		Cinnamomum parthenoxylon/Vù hương (Xá xị, Re hương)	IIA
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

[#12] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, gỗ ép và chiết xuất. Sản phẩm hoàn chỉnh chứa thành phần chiết xuất, kể cả chất tạo hương, không thuộc điều chỉnh của chú giải này.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		***Afzelia* spp.**[#17]/Pod mahoganies/Các loài thuộc chi Gõ đỏ *Afzelia* (Chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Dalbergia* spp.**[#15]/Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES
		Dalbergia nigra/Brazilian rosewood/Trắc đen brazin	I CITES
		Afzelia xylocarpa/Gõ đỏ (Cà te)	IIA
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		Dalbergia oliveri/Cẩm lai	II CITES; IIA
		Dalbergia rimosa/Trắc dây	II CITES; IIA
		Dalbergia tonkinensis/Sưa	II CITES; IIA
		Pterocarpus macrocarpus/Giáng hương quả to	IIA
		Sindora siamensis/Gụ mật (Gõ mật)	IIA
		Sindora tonkinensis/Gụ lau	IIA
		***Dipteryx* spp.**[#17]/Cumaru/Các loài thuộc chi *Dipteryx* (Có hiệu lực từ ngày 25/11/2024)	II CITES
		Guibourtia demeuse[#15]/Guibourtia tree/Cây guibourtia	II CITES
		Guibourtia pellegriniana[#15]/Bubinga tree/Cây bubinga	II CITES
		Guibourtia tessmannii[#15]/Guibourtia tree/Cây gỗ guibourtia	II CITES
		Paubrasilia echinata[#10]/Pau Brasil	II CITES

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#10] Tất cả các bộ phận, dẫn xuất và sản phẩm hoàn chỉnh, ngoại trừ các nhạc cụ hoàn chỉnh, các linh kiện nhạc cụ và các bộ phận nhạc cụ hoàn chỉnh để tái xuất khẩu.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Pericopsis elata[#17]/African teak/Tếch châu phi	II CITES
		Platymiscium parviflorum[#4]/Quira macawood/Cây platysicium	II CITES
		Pterocarpus* spp.**[#17]/Padauk/Các loài thuộc chi Giáng hương *Pterocarpus* (trừ ***Pterocarpus santalinus quy định tại Phụ lục II với chú giải #7; chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể khác không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Pterocarpus santalinus[#7]/Red sandal wood/Giáng hương santa	II CITES
		Magnoliaceae/Magnolias/Họ Mộc lan	
		Magnolia liliifera* var. *obovata[#1]/Magnolia/Mộc lan trứng ngược (Nepal)	III CITES

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#7] Gỗ tròn, dăm gỗ, bột gỗ và các sản phẩm chiết xuất từ gỗ.

[#1] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Hạt, bào tử và hạt phấn (gồm cả túi phấn);

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo; và

d) Quả và các bộ phận, dẫn xuất từ từ cây được nhân giống nhân tạo của chi *Vanilla.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Meliaceae/Mahoganies, West Indian cedar/Họ Xoan	
		***Cedrela* spp.**[#6] (Chỉ áp dụng đối với các quần thể ở Trung và Nam Mỹ, các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		***Khaya* spp.**[#17]/African mahoganies/Các loài thuộc chi Xà cừ *Khaya* (chỉ áp dụng đối với quần thể châu Phi; các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia humilis[#4]/Pacific coast mahogany/Dái ngựa lùn	II CITES
		Swietenia macrophylla [#6]/Bigleaf mahogany/Dái ngựa (Các quần thể ở Trung và Nam Mỹ các quần thể còn lại không quy định tại Phụ lục)	II CITES
		Swietenia mahagoni [#5]/Small mahogany/Dái ngựa nhỏ	II CITES
		Oleaceae/Machurian ash/Họ Nhài	
		Fraxinus mandshurica [#5]/Sồi fraxinus (Liên bang Nga)	III CITES

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#17] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán, ván ép và gỗ đã được làm biến tính.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

[#6] Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ dán và ván ép.

[#5] Gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Rosaceae/African cherry/Họ Hoa hồng	
		Prunus africana[#4]/African cherry/Anh đào châu phi	II CITES
		Santalaceae/African sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata[#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, ramin/ Họ Trầm	
		Aquilaria spp.[#14]/Agarwood/Các loài Trầm thuộc chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.**[#4]/Ramin/Các loài Trầm thuộc chi *Gonystylus*	II CITES
		Gyrinops spp.[#14]/Các loài Trầm thuộc chi *Gyrinops*	II CITES

[#14] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và hạt phấn;

b) Cây con hoặc mô nuôi cấy *in vitro* được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Quả;

d) Lá;

e) Bột trầm hương dã tách tinh dầu, kể cả các sản phẩm tạo hình được nén từ bột; và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ, miễn trừ này không áp dụng với dăm gỗ, hột tràng hạt, tràng hạt và sản phẩm điêu khắc.

[#4] Tất cả bộ phận và dẫn xuất, trừ:

a) Hạt (kể cả túi hạt của các loài thuộc họ Lan Orchidaceae), bào tử và hạt phấn (kể cả túi phấn). Việc miễn trừ không áp dụng với hạt của các loài thuộc họ Xương rồng Cactaceae xuất khẩu từ Mexico, và hạt từ loài Cọ maruala *Beccariophoenix madagascariensis* và Cọ thân tam giác *Dypsis decaryi* xuất khẩu từ Madagascar;

b) Cây con hoặc mô chứa trong bình (*in vitro*), được vận chuyển trong bình vô trùng;

c) Hoa cắt từ cây nhân giống nhân tạo;

d) Quả, và bộ phận, dẫn xuất từ quả của cây du nhập hoặc cây nhân giống nhân tạo thuộc các chi *Vanilla* (họ Lan Orchidaceae) và họ Xương rồng Cactaceae;

e) Thân, hoa, các bộ phận dẫn xuất từ cây du nhập hoặc được nhân giống nhân tạo của các loài thuộc phân chi Xương rồng mái chèo *Optunia* chi *Opuntia* và chi *Selenicereus* (họ Xương rồng Cactaceae); và

f) Các sản phẩm hoàn chỉnh của *loài Aloe ferox* và *Euphorbia antisyphilitica* được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

g) Các sản phẩm mỹ phẩm hoàn chỉnh từ cây nhân giống nhân tạo được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ có chứa bộ phận và dẫn xuất của các loài Bletilla striata*, Cycnoches cooperi, Gastrodia elata, Phalaenopsis amabilis* hoặc *Phalaenopsis lobbii.*

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Zygophyllaceae/Lignum-vitae/Họ Tật lê	
		Bulnesia sarmientoi[#11]/Palo Santo or Holy wood/ Loài gỗ thánh	II CITES
		***Guaiacum* spp.**[#2]/Guai/Các loài thuộc chi *Guaiacum*	II CITES
		Dipterocarpaceae/Họ Dầu	
		Hopea cordata/Sao hình tim	IA
		Hopea pierrei/Kiền kiền phú quốc	IA
		Hopea reticulata/Sao mạng cà ná	IA
		Shorea falcata/Chai lá cong	IA
		Clusiaceae/Họ Măng cụt	
		Garcinia fagraeoides/Trai	IIA
		Tiliaceae/Họ Đay	
		Burretiodendron tonkinense (Excentrodendron tonkinense)/Nghiến	IIA

III. ĐỒ TRANG SỨC LÀM BẰNG CHẤT LIỆU THỰC VẬT RỪNG, ĐỘNG VẬT RỪNG NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM VÀ ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT THUỘC CÁC PHỤ LỤC CITES

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
71.17	**Đồ trang sức làm bằng chất liệu khác**		
7117.90	- Loại khác:		
7117.90.10	- - Vòng, bao gồm:		
		CROCODYLIA/ALLIGATORS, CAIMANS, CROCODILES/BỘ CÁ SẤU	
		CROCODYLIA spp./Crocodiles and Alligators/Các loài thuộc bộ Cá sấu (trừ những loài quy định tại Phụ lục I)	II CITES

[#11] Gỗ tròn, gỗ xẻ, tấm ván lạng, ván ép, bột gỗ và các chiết xuất. Gỗ thành phẩm có chứa chiết xuất làm thành phần, bao gồm cả nước hoa, không thuộc điều chỉnh bởi chú giải này.

[#2] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất ngoại trừ:

a) Hạt và phấn hoa; và

b) Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói và sẵn sàng để bán lẻ.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Alligatoridae/Alligators, caimans/Họ Cá sấu châu mỹ	
		Alligator sinensis/Chinese alligator/Cá sấu trung quốc	I CITES
		Caiman latirostris/Broad-nosed (snouted) caiman/Cá sấu mũi rộng (Trừ quần thể của Argentina và Brazil[A11] quy định tại Phụ lục II)	I CITES
		Melanosuchus niger/Black caiman/Cá sấu đen (Trừ quần thể của Brazil và Ecuador [A12] quy định tại Phụ lục II)	I CITES
		Crocodylidae/Crocodiles/Họ Cá sấu	
		Crocodylus acutus/American crocodile/Cá sấu châu Mỹ (Trừ quần thể của khu quản lý tổng hợp rừng ngập mặn Vịnh Cispata, Tinajones, La Balsa và các khu vực xung quanh, khu vực Córdoba, Colombia, quần thể của Cuba và quần thể của Mexico[A13] được quy định tại Phụ lục II)	I CITES
		Crocodylus niloticus/African (Nile) crocodile/Cá sấu sông nile (Trừ các quần thể của Botswana, Ai Cập[A15], Ethiopia, Kenya, Madagascar, Malawi, Mozambique, Namibia, Nam Phi, Uganda, Cộng hòa Tanzania[A16], Zambia và Zimbabwe thuộc Phụ lục II)	I CITES
		Crocodylus porosus/Saltwater crocodile/Cá sấu nước lợ (Cá sấu hoa cà) (Trừ các quần thể của Australia, Indonesia, Malaysia[A17], Papua New Guinea và quần thể của quần đảo Palawan[A18], Philippin quy định tại Phụ lục II)	I CITES: IB

[A11] Quần thể *Caiman latirostris* của Brazil quy định tại Phụ lục II với hạn ngạch xuất khẩu hàng năm vì mục đích thương mại bằng không (0) đối với mẫu vật khai thác từ tự nhiên.

[A12] Quần thể *Melanosuchus niger* của Ecuador quy định tại Phụ lục II và hạn ngạch xuất khẩu hàng năm bằng không (0) cho đến khi hạn ngạch hàng năm được Ban thư ký CITES và Nhóm chuyên gia cá sấu của IUCN/SSC thông qua.

[A13] Quần thể *Crocodylus acutus* của Mexico được quy định tại Phụ lục II với hạn ngạch xuất khẩu vì mục đích thương mại bằng không (0) đối với mẫu vật khai thác từ tự nhiên.

[A15] Quần thể *Crocodylus niloticus* của Ai Cập được quy định tại Phụ lục II với hạn ngạch xuất khẩu vì mục đích thương mại bằng không (0) đối với mẫu vật đánh bắt từ tự nhiên.

[A16] Quần thể *Crocodylus niloticus* của Cộng hoài Tanzania được quy định tại Phụ lục II với hạn ngạch xuất khẩu hàng năm không vượt quá 1.600 mẫu vật khai thác từ tự nhiên bao gồm mẫu vật săn bắn, mẫu vật nuôi sinh trưởng.

[A17] Quần thể *Crocodylus porosus* của Malaysia được quy định tại Phụ lục II với việc hạn chế khai thác từ tự nhiên đối với Bang Sarawak và hạn ngạch bằng không (0) áp dụng cho mẫu vật từ tự nhiên tại các Bang khác của Malaysia (Sabah và bán đảo Malaysia), hạn ngạch bằng không (0) sẽ không thay đổi trừ khi được Hội nghị các nước thành viên thông qua.

[A18] Quần thể *Crocodylus porosus* của quần đảo Palawan, Philippin quy định tại Phụ lục II với hạn ngạch xuất khẩu vì mục đích thương mại bằng không (0) đối với mẫu vật đánh bắt từ tự nhiên.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Crocodylus rhombifer/Cuban crocodile/Cá sấu cuba	I CITES
		Crocodylus siamensis/Siamese crocodile/Cá sấu nước ngọt (Cá sấu xiêm)	I CITES; IB
		SAURIA/BỘ THẰN LẰN	
		Teiidae/Caiman lizards, tegu lizards/Họ Thằn lằn cá sấu	
		***Salvator* spp./**Salvator lizard/Các loài thuộc giống *Salvator*	II CITES
		***Tupinambis* spp./**Tegu lizards/Các loài thằn lằn tegu thuộc giống *Tupinambis*	II CITES
		Varanidae/Monitor lizards/Họ Kỳ đà	
		***Varanus* spp./**Monitor lizards/Các loài kỳ đà thuộc giống *Varanus* (trừ các loài thuộc Phụ lục I)	II CITES
		Varanus nebulosus (Varanus bengalensis)/Clouded monitor/Kỳ đà vân	I CITES; IB
		Varanus salvator/Kỳ đà hoa	II CITES; IIB
		SERPENTES/Snakes/BỘ RẮN	
		Boidae/Boas/Họ Trăn nam mỹ	
		Boidae spp./Boids, Boas/Tất cả các loài trăn thuộc họ Boidae (trừ các loài được quy định tại Phụ lục I)	II CITES
		Bolyeriidae/Round Island boas/Họ Trăn đảo	
		Bolyeriidae spp./Round islands boas/Các loài Trăn thuộc họ Bolyeriidae (trừ các loài được quy định tại Phụ lục I)	II CITES
		Loxocemidae/Mexican dwarf boa/Họ Trăn mexico	
		Loxocemidae spp./Mexican pythons/Các loài trăn thuộc họ Loxocemidae	II CITES
		Pythonidae/Pythons/Họ Trăn	
		Pythonidae spp./Pythons/Các loài Trăn thuộc họ Pythonidae (trừ các phân loài được quy định tại Phụ lục I)	II CITES
		***Python molurus* (*Python bivittatus*)/**Indian (rock) python/ Trăn đất (Trăn đất ấn độ)	I CITES; IIB
		Python brongersmai (Python curtus)/Trăn cộc	II CITES; IIB
		Python reticulatus (Malayopython reticulatus)/ Trăn gấm	II CITES; IIB

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Tropidophiidae/Wood boas/Họ Trăn cây	
		Tropidophiidae spp./Wood boas/Các loài Trăn cây thuộc họ Tropidophiidae	II CITES
		Elapidae/Cobras, coral snakes/Họ Rắn hổ	
		Naja atra/Chinese Cobra/Rắn hổ mang trung quốc	II CITES; IIB
		Naja kaouthia/Monocled cobra/Rắn hổ mang kao-thia (Rắn hổ mang một mắt kính)	II CITES; IIB
		Naja mandalayensis/Burmese spitting cobra/Rắn hổ myanmar	II CITES
		Naja naja/Indian cobra/Rắn hổ mang thường	II CITES
		Naja oxiana/Central Asian cobra/Hổ mang oxiana	II CITES
		Naja philippinensis/philippine cobra/Rắn hổ mang philippine	II CITES
		Naja sagittifera/Andaman cobra/Rắn hổ ấn độ	II CITES
		Naja samarensis/Southeastern philippine cobra/Rắn hổ đông nam philippine	II CITES
		Naja siamensis/Indo-Chinese cobra/Rắn hổ mang xiêm (Rắn hổ mang thái lan)	II CITES; IIB
		Naja sputatrix/Javan spitting cobra/Rắn hổ java	II CITES
		Naja sumatrana/Equatorial spitting cobra/Rắn hổ mang sumatra	II CITES
		Ophiophagus hannah/King cobra/Rắn hổ chúa	II CITES; IB
		PERISSODACTYLA/BỘ MÓNG GUỐC NGÓN LẺ	
		Rhinocerotidae/Rhinoceroses/Họ Tê giác	
		Ceratotherium simum simum/Southern white rhinoceros/ Tê giác trắng (Chỉ áp dụng đối với quần thể của Eswatini[A8], Namibia[A9] và Nam Phi[A8]; các quần thể khác quy định tại Phụ lục I)	II CITES

[A8] Quần thể tê giác trắng *Ceratotherium simum simum* của Eswatini và Nam Phi được quy định tại Phụ lục II, được phép buôn bán quốc tế đối với mẫu vật săn bắn và mẫu vật sống có các điểm đến phù hợp, được chấp nhận. Tất cả các mẫu vật khác là mẫu vật của loài thuộc Phụ lục I và việc buôn bán chúng sẽ phải tuân thủ theo quy định đối với loài thuộc Phụ lục I.

[A9] Quần thể tê giác trắng *Ceratotherium simum simum* của Namibia được quy định tại Phụ lục II và chỉ được phép buôn bán thương mại quốc tế mẫu vật sống vì mục đích bảo tồn tại chỗ trong phạm vi phân bố tự nhiên và lịch sử của loài ở châu Phi. Tất cả các mẫu vật khác là mẫu vật của loài thuộc Phụ lục I và việc buôn bán chúng sẽ phải tuân thủ theo quy định đối với loài thuộc Phụ lục I.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		PROBOSCIDEA/BỘ CÓ VÒI	
		Elephantidae/Elephants/Họ Voi	
		Loxodonta africana [A10]/Africa elephant/Voi châu phi	II CITES

[A10] Quần thể của Botswana, Namibia, Nam Phi và Zimbawe (quy định trong Phụ lục II):

Chỉ giới hạn các hoạt động buôn bán sau đây:

a) Buôn bán các chiến lợi phẩm săn bắn không vì mục đích thương mại;

b) Buôn bán mẫu vật sống tới các địa điểm phù hợp theo quy định tại Nghị quyết 11.20 (sửa đổi tại CoP18) đối với quần thể của Botswana và Zimbabwe và cho các chương trình bảo tồn nguyên vị đối với quần thể của Namibia và Nam Phi;

c) Buôn bán da thô;

d) Buôn bán lông;

e) Buôn bán sản phẩm da vì mục đích thương mại hay phi thương mại đối với quần thể của Botswana, Namibia và Nam Phi; vì mục đích phi thương mại đối với quần thể của Zimbabwe;

f) Buôn bán mẫu vật đã được chứng nhận và đánh dấu riêng lẻ cùng với đồ trang sức đã hoàn chỉnh vì mục đích phi thương mại đối với quần thể ở Namibia và ngà voi chế tác cho các mục đích phi thương mại đối với quần thể ở Zimbabwe;

g) Buôn bán ngà voi nguyên liệu đã đăng ký (đối với quần thể ở Botswana, Namibia, Nam Phi và Zimbabwe, ngà voi nguyên chiếc và ngà dạng miếng) phải tuân theo các quy định sau:

i) Chỉ đối với các mẫu vật trong kho thuộc sở hữu của chính phủ đã được đăng ký, có nguồn gốc từ chính quốc gia đó (không bao gồm ngà voi tịch thu và ngà voi không xác định được nguồn gốc);

ii) Chỉ buôn bán với những đối tác đã được Ban thư ký xác nhận, sau khi tham vấn với Ủy ban Thường trực đảm bảo rằng quốc gia đó kiểm soát tốt việc buôn bán trong nước và hệ thống luật pháp quốc gia đầy đủ nhằm đảm bảo rằng ngà voi nhập khẩu sẽ không được tái xuất khẩu và được quản lý phù hợp theo Nghị quyết 10.10 (Sửa đổi tại CoP18) liên quan đến hoạt động sản xuất và buôn bán trong nước.

iii) Sau khi Ban thư ký xác định các quốc gia nhập khẩu thích hợp và xác nhận số lượng mẫu vật trong kho thuộc sở hữu của chính phủ đã được đăng ký;

iv) Ngà voi thô theo số lượng thuộc sở hữu của chính phủ đã đăng ký để bán có điều kiện được thống nhất tại CoP12, gồm 20.000 kg (Botswana), 10.000 kg (Namibia) và 30.000 kg (Nam Phi).

v) Ngoài số lượng đã được đồng ý tại CoP12, số lượng ngà voi thuộc sở hữu chính phủ của Botswana, Namibia, Nam Phi và Zimbabwe đã đăng ký trước ngày 31/01/2007 và được Ban thư ký xác nhận có thể được buôn bán và vận chuyển cùng với ngà voi mô tả ở mụcg) iv) nêu trên, một lần bán duy nhất cho một điểm đến duy nhất phải chịu sự giám sát chặt chẽ của Ban thư ký;

vi) Tiền thu được từ hoạt động buôn bán được sử dụng chủ yếu cho các hoạt động bảo tồn voi và các chương trình phát triển và bảo tồn cộng đồng trong vùng voi phân bố và các vùng đệm; và

vii) Việc buôn bán số lượng ngà voi được nêu trong khoản g) v) ở trên sẽ chỉ được thực hiện sau khi Ủy ban thường trực thống nhất rằng hoạt động này đã đáp ứng được các điều kiện nói trên; và

h) Không có đề xuất nào thêm cho phép buôn bán ngà voi từ các quần thể đã có trong Phụ lục II sẽ được đệ trình lên tại Hội nghị các quốc gia thành viên trong khoảng thời gian từ CoP14 và kết thúc 9 năm kể từ ngày bán ngà voi nhằm thực hiện tuân thủ theo các điều khoản của mục g) i), g) ii), g) iii), g) vi) và g) vii). Những đề xuất thêm như vậy sẽ được xử lý theo các Quyết định 16.55 và 14.78 (Sửa đổi tại CoP16).

Dựa trên đề xuất của Ban Thư ký, Ủy ban Thường trực có thể quyết định việc dừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động buôn bán trong trường hợp quốc gia nhập khẩu hay quốc gia xuất khẩu không thực hiện đúng các quy định, hoặc trong trường hợp có bằng chứng về hoạt động buôn bán ảnh hưởng đến sự tồn tại của các quần thể voi khác.

Tất cả các mẫu vật ngà voi khác là mẫu vật của loài thuộc Phụ lục I và việc buôn bán phải tuân thủ theo quy định của loài thuộc Phụ lục I.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		(Chỉ áp dụng đối với các quần thể ở Botswana, Nam Phi, Namibia và Zimbabwe; các quần thể khác được quy định tại Phụ lục I)	
		ANTIPATHARIA/Black corals/BỘ SAN HÔ ĐEN	
		ANTIPATHARIA spp./Black coral/Các loài San hô đen	II CITES
		GORGONACEAE/BỘ SAN HÔ QUẠT	
		Coralliidae/Red and pink corals/Họ San hô đỏ	
		Corallium elatius/San hô đỏ êlati (Trung Quốc)	III CITES
		Corallium japonicum/San hô đỏ nhật bản (Trung Quốc)	III CITES
		Corallium konjoi/San hô đỏ Không-noi (Trung Quốc)	III CITES
		Corallium secundum/San hô đỏ (Trung Quốc)	III CITES
		HELIOPORACEA/BLUE CORALS/BỘ SAN HÔ XANH	
		Helioporidae spp.[A25]/Blue corals/Các loài San hô xanh (chỉ bao gồm loài *Heliopora coerulea*.)	II CITES
		SCLERACTINIA/STONY CORALS/BỘ SAN ĐÁ	
		SCLERACTINIA spp.[A25]/Stony coral/Các loài San hô đá	II CITES
		STOLONIFERA/BỘ SAN HÔ CỨNG	
		Tubiporidae/Organ-pipe corals/Họ San hô ống	
		Tubiporidae spp.[A25]/Organ pipe coral/Các loài San hô dạng ống	II CITES
		MILLEPORINA/BỘ SAN HÔ LỬA	
		Milleporidae/Fire corals/Họ San hô lửa	
		Milleporidae spp.[A25]/Fire corals/Các loài San hô lửa	II CITES
		STYLASTERINA/BỘ SAN HÔ DẢI	
		Stylasteridae/Lace corals/Họ San hô dải	

[A25] Mẫu vật hóa thạch không thuộc phạm vi điều chỉnh của CITES.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Stylasteridae spp.[A25]/Lace corals/Các loài San hô dải	II CITES
		Cupressaceae/Alerce, cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Dalbergia* spp.**[#15]/Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		Santalaceae/Sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata[#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, Ramin/ Họ Trầm	
		***Aquilaria* spp.**/Agarwood/Các loài Trầm chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.**/Ramin/Các loài Trầm chi *Gonystylus*	II CITES
		***Gyrinops* spp.**/Các loài Trầm chi *Gyrinops*	II CITES
7117.90.20	- - Các đồ trang sức khác, bao gồm:		
		CROCODYLIA/ALLIGATORS, CAIMANS, CROCODILES/BỘ CÁ SẤU	
		CROCODYLIA spp./Crocodiles and Alligators/ Các loài thuộc bộ Cá sấu (trừ những loài quy định tại Phụ lục I)	II CITES

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Alligatoridae/Alligators, caimans/Họ Cá sấu châu mỹ	
		Alligator sinensis/Chinese alligator/Cá sấu trung quốc	I CITES
		Caiman latirostris/Broad-nosed (snouted) caiman/Cá sấu mũi rộng (Trừ quần thể của Argentina và Brazil[A11] quy định tại Phụ lục II)	I CITES
		Melanosuchus niger/Black caiman/Cá sấu đen (Trừ quần thể của Brazil và Ecuador [A12] quy định tại Phụ lục II)	I CITES
		Crocodylidae/Crocodiles/Họ Cá sấu	
		Crocodylus acutus/American crocodile/Cá sấu châu Mỹ (Trừ quần thể của khu quản lý tổng hợp rừng ngập mặn Vịnh Cispata, Tinajones, La Balsa và các khu vực xung quanh, khu vực Córdoba, Colombia, quần thể của Cuba và quần thể của Mexico[A13] được quy định tại Phụ lục II)	I CITES
		Crocodylus niloticus/African (Nile) crocodile/Cá sấu sông nile (Trừ các quần thể của Botswana, Ai Cập[A15], Ethiopia, Kenya, Madagascar, Malawi, Mozambique, Namibia, Nam Phi, Uganda, Cộng hòa Tanzania[A16], Zambia và Zimbabwe thuộc Phụ lục II)	I CITES
		Crocodylus porosus/Saltwater crocodile/Cá sấu nước lợ (Cá sấu hoa cà) (Trừ các quần thể của Australia, Indonesia, Malaysia[A17], Papua New Guinea và quần thể của quần đảo Palawan[A18], Philippin quy định tại Phụ lục II)	I CITES: IB

[A11] Quần thể *Caiman latirostris* của Brazil quy định tại Phụ lục II với hạn ngạch xuất khẩu hàng năm vì mục đích thương mại bằng không (0) đối với mẫu vật khai thác từ tự nhiên.

[A12] Quần thể *Melanosuchus niger* của Ecuador quy định tại Phụ lục II và hạn ngạch xuất khẩu hàng năm bằng không (0) cho đến khi hạn ngạch hàng năm được Ban thư ký CITES và Nhóm chuyên gia cá sấu của IUCN/SSC thông qua.

[A13] Quần thể *Crocodylus acutus* của Mexico được quy định tại Phụ lục II với hạn ngạch xuất khẩu vì mục đích thương mại bằng không (0) đối với mẫu vật khai thác từ tự nhiên.

[A15] Quần thể *Crocodylus niloticus* của Ai Cập được quy định tại Phụ lục II với hạn ngạch xuất khẩu vì mục đích thương mại bằng không (0) đối với mẫu vật đánh bắt từ tự nhiên.

[A16] Quần thể *Crocodylus niloticus* của Cộng hòa Tanzania được quy định tại Phụ lục II với hạn ngạch xuất khẩu hàng năm không vượt quá 1.600 mẫu vật khai thác từ tự nhiên bao gồm mẫu vật săn bắn, mẫu vật nuôi sinh trưởng.

[A17] Quần thể *Crocodylus porosus* của Malaysia được quy định tại Phụ lục II với việc hạn chế khai thác từ tự nhiên đối với Bang Sarawak và hạn ngạch bằng không (0) áp dụng cho mẫu vật từ tự nhiên tại các Bang khác của Malaysia (Sabah và bán đảo Malaysia), hạn ngạch bằng không (0) sẽ không thay đổi trừ khi được Hội nghị các nước thành viên thông qua.

[A18] Quần thể *Crocodylus porosus* của quần đảo Palawan, Philippin quy định tại Phụ lục II với hạn ngạch xuất khẩu vì mục đích thương mại bằng không (0) đối với mẫu vật đánh bắt từ tự nhiên.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Crocodylus rhombifer/Cuban crocodile/Cá sấu cuba	I CITES
		Crocodylus siamensis/Siamese crocodile/Cá sấu nước ngọt (Cá sấu xiêm)	I CITES; IB
		SAURIA/BỘ THẰN LẰN	
		Teiidae/Caiman lizards, tegu lizards/Họ Thằn lằn cá sấu	
		***Salvator* spp./**Salvator lizard/Các loài thuộc giống *Salvator*	II CITES
		***Tupinambis* spp./**Tegu lizards/Các loài thằn lằn tegu thuộc giống *Tupinambis*	II CITES
		Varanidae/Monitor lizards/Họ Kỳ đà	
		***Varanus* spp./**Monitor lizards/Các loài kỳ đà thuộc giống *Varanus* (trừ các loài thuộc Phụ lục I)	II CITES
		Varanus nebulosus (Varanus bengalensis)/Clouded monitor/Kỳ đà vân	I CITES; IB
		Varanus salvator/Kỳ đà hoa	II CITES; IIB
		SERPENTES/Snakes/BỘ RẮN	
		Boidae/Boas/Họ Trăn nam mỹ	
		Boidae spp./Boids, Boas/Tất cả các loài trăn thuộc họ Boidae (trừ các loài được quy định tại Phụ lục I)	II CITES
		Bolyeriidae/Round Island boas/Họ Trăn đảo	
		Bolyeriidae spp./Round islands boas/Các loài Trăn thuộc họ Bolyeriidae (trừ các loài được quy định tại Phụ lục I)	II CITES
		Loxocemidae/Mexican dwarf boa/Họ Trăn mexico	
		Loxocemidae spp./Mexican pythons/Các loài trăn thuộc họ Loxocemidae	II CITES
		Pythonidae/Pythons/Họ Trăn	
		Pythonidae spp./Pythons/Các loài Trăn thuộc họ Pythonidae (trừ các phân loài được quy định tại Phụ lục I)	II CITES
		***Python molurus* (*Python bivittatus*)/**Indian (rock) python/ Trăn đất (Trăn đất ấn độ)	I CITES; IIB

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Python brongersmai (Python curtus)/Trăn cộc	II CITES; IIB
		Python reticulatus (Malayopython reticulatus)/Trăn gấm	II CITES; IIB
		Tropidophiidae/Wood boas/Họ Trăn cây	
		Tropidophiidae spp./Wood boas/Các loài Trăn cây thuộc họ Tropidophiidae	II CITES
		Elapidae/Cobras, coral snakes/Họ Rắn hổ	
		Naja atra/Chinese Cobra/Rắn hổ mang trung quốc	II CITES; IIB
		Naja kaouthia/Monocled cobra/Rắn hổ mang kao-thia (Rắn hổ mang một mắt kính)	II CITES; IIB
		Naja mandalayensis/Burmese spitting cobra/Rắn hổ myanmar	II CITES
		Naja naja/Indian cobra/Rắn hổ mang thường	II CITES
		Naja oxiana/Central Asian cobra/Hổ mang oxiana	II CITES
		Naja philippinensis/philippine cobra/Rắn hổ mang philippine	II CITES
		Naja sagittifera/Andaman cobra/Rắn hổ ấn độ	II CITES
		Naja samarensis/Southeastern philippine cobra/Rắn hổ đông nam philippine	II CITES
		Naja siamensis/Indo-Chinese cobra/Rắn hổ mang xiêm (Rắn hổ mang thái lan)	II CITES; IIB
		Naja sputatrix/Javan spitting cobra/Rắn hổ java	II CITES
		Naja sumatrana/Equatorial spitting cobra/Rắn hổ mang sumatra	II CITES
		Ophiophagus hannah/King cobra/Rắn hổ chúa	II CITES; IB
		PERISSODACTYLA/BỘ MÓNG GUỐC NGÓN LẺ	
		Rhinocerotidae/Rhinoceroses/Họ Tê giác	
		Ceratotherium simum simum/Southern white rhinoceros/Tê giác trắng (Chỉ áp dụng đối với quần thể của Eswatini[A8], Namibia[A9] và Nam Phi[A8]; các quần thể khác quy định tại Phụ lục I)	II CITES

[A8] Quần thể tê giác trắng *Ceratotherium simum simum* của Eswatini và Nam Phi được quy định tại Phụ lục II, được phép buôn bán quốc tế đối với mẫu vật săn bắn và mẫu vật sống có các điểm đến phù hợp, được chấp nhận. Tất cả các mẫu vật khác là mẫu vật của loài thuộc Phụ lục I và việc buôn bán chúng sẽ phải tuân thủ theo quy định đối với loài thuộc Phụ lục I.

[A9] Quần thể tê giác trắng *Ceratotherium simum simum* của Namibia được quy định tại Phụ lục II và chỉ được phép buôn bán thương mại quốc tế mẫu vật sống vì mục đích bảo tồn tại chỗ trong phạm vi phân bố tự nhiên và lịch sử của loài ở châu Phi. Tất cả các mẫu vật khác là mẫu vật của loài thuộc Phụ lục I và việc buôn bán chúng sẽ phải tuân thủ theo quy định đối với loài thuộc Phụ lục I.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		PROBOSCIDEA/BỘ CÓ VÒI	
		Elephantidae/Elephants/Họ Voi	
		Loxodonta africana[A10]/Africa elephant/Voi châu phi (Chỉ áp dụng đối với các quần thể ở Botswana, Nam Phi, Namibia và Zimbabwe; các quần thể khác được quy định tại Phụ lục I)	II CITES

[A10] Quần thể của Botswana, Namibia, Nam Phi và Zimbawe (quy định trong Phụ lục II):

Chỉ giới hạn các hoạt động buôn bán sau đây:

a) Buôn bán các chiến lợi phẩm săn bắn không vì mục đích thương mại;

b) Buôn bán mẫu vật sống tới các địa điểm phù hợp theo quy định tại Nghị quyết 11.20 (sửa đổi tại CoP18) đối với quần thể của Botswana và Zimbabwe và cho các chương trình bảo tồn nguyên vị đối với quần thể của Namibia và Nam Phi;

c) Buôn bán da thô;

d) Buôn bán lông;

e) Buôn bán sản phẩm da vì mục đích thương mại hay phi thương mại đối với quần thể của Botswana, Namibia và Nam Phi; vì mục đích phi thương mại đối với quần thể của Zimbabwe;

f) Buôn bán mẫu vật đã được chứng nhận và đánh dấu riêng lẻ cùng với đồ trang sức đã hoàn chỉnh vì mục đích phi thương mại đối với quần thể ở Namibia và ngà voi chế tác cho các mục đích phi thương mại đối với quần thể ở Zimbabwe;

g) Buôn bán ngà voi nguyên liệu đã đăng ký (đối với quần thể ở Botswana, Namibia, Nam Phi và Zimbabwe, ngà voi nguyên chiếc và ngà dạng miếng) phải tuân theo các quy định sau:

i) Chỉ đối với các mẫu vật trong kho thuộc sở hữu của chính phủ đã được đăng ký, có nguồn gốc từ chính quốc gia đó (không bao gồm ngà voi tịch thu và ngà voi không xác định được nguồn gốc);

ii) Chỉ buôn bán với những đối tác đã được Ban thư ký xác nhận, sau khi tham vấn với Ủy ban Thường trực đảm bảo rằng quốc gia đó kiểm soát tốt việc buôn bán trong nước và hệ thống luật pháp quốc gia đầy đủ nhằm đảm bảo rằng ngà voi nhập khẩu sẽ không được tái xuất khẩu và được quản lý phù hợp theo Nghị quyết 10.10 (Sửa đổi tại CoP18) liên quan đến hoạt động sản xuất và buôn bán trong nước.

iii) Sau khi Ban thư ký xác định các quốc gia nhập khẩu thích hợp và xác nhận số lượng mẫu vật trong kho thuộc sở hữu của chính phủ đã được đăng ký;

iv) Ngà voi thô theo số lượng thuộc sở hữu của chính phủ đã đăng ký để bán có điều kiện được thống nhất tại CoP12, gồm 20.000 kg (Botswana), 10.000 kg (Namibia) và 30.000 kg (Nam Phi).

v) Ngoài số lượng đã được đồng ý tại CoP12, số lượng ngà voi thuộc sở hữu chính phủ của Botswana, Namibia, Nam Phi và Zimbabwe đã đăng ký trước ngày 31/01/2007 và được Ban thư ký xác nhận có thể được buôn bán và vận chuyển cùng với ngà voi mô tả ở mục g) iv) nêu trên, một lần bán duy nhất cho một điểm đến duy nhất phải chịu sự giám sát chặt chẽ của Ban thư ký;

vi) Tiền thu được từ hoạt động buôn bán được sử dụng chủ yếu cho các hoạt động bảo tồn voi và các chương trình phát triển và bảo tồn cộng đồng trong vùng voi phân bố và các vùng đệm; và

vii) Việc buôn bán số lượng ngà voi được nêu trong khoản g) v) ở trên sẽ chỉ được thực hiện sau khi Ủy ban thường trực thống nhất rằng hoạt động này đã đáp ứng được các điều kiện nói trên; và

h) Không có đề xuất nào thêm cho phép buôn bán ngà voi từ các quần thể đã có trong Phụ lục II sẽ được đệ trình lên tại Hội nghị các quốc gia thành viên trong khoảng thời gian từ CoP14 và kết thúc 9 năm kể từ ngày bán ngà voi nhằm thực hiện tuân thủ theo các điều khoản của mục g) i), g) ii), g) iii), g) vi) và g) vii). Những đề xuất thêm như vậy sẽ được xử lý theo các Quyết định 16.55 và 14.78 (Sửa đổi tại CoP16).

Dựa trên đề xuất của Ban Thư ký, Ủy ban Thường trực có thể quyết định việc dừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động buôn bán trong trường hợp quốc gia nhập khẩu hay quốc gia xuất khẩu không thực hiện đúng các quy định, hoặc trong trường hợp có bằng chứng về hoạt động buôn bán ảnh hưởng đến sự tồn tại của các quần thể voi khác.

Tất cả các mẫu vật ngà voi khác là mẫu vật của loài thuộc Phụ lục I và việc buôn bán phải tuân thủ theo quy định của loài thuộc Phụ lục I.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		ANTIPATHARIA/Black corals/BỘ SAN HÔ ĐEN	
		ANTIPATHARIA spp./Black coral/Các loài San hô đen	II CITES
		GORGONACEAE/BỘ SAN HÔ QUẠT	
		Coralliidae/Red and pink corals/Họ San hô đỏ	
		Corallium elatius/San hô đỏ êlati (Trung Quốc)	III CITES
		Corallium japonicum/San hô đỏ nhật bản (Trung Quốc)	III CITES
		Corallium konjoi/San hô đỏ Không-noi (Trung Quốc)	III CITES
		Corallium secundum/San hô đỏ (Trung Quốc)	III CITES
		HELIOPORACEA/BLUE CORALS/BỘ SAN HÔ XANH	
		Helioporidae spp.[A25]/Blue corals/Các loài San hô xanh (chỉ bao gồm loài *Heliopora coerulea*.)	II CITES
		SCLERACTINIA/STONY CORALS/BỘ SAN ĐÁ	
		SCLERACTINIA spp.[A25]/Stony coral/Các loài San hô đá	II CITES
		STOLONIFERA/BỘ SAN HÔ CỨNG	
		Tubiporidae/Organ-pipe corals/Họ San hô ống	
		Tubiporidae spp.[A25]/Organ pipe coral/Các loài San hô dạng ống	II CITES
		MILLEPORINA/BỘ SAN HÔ LỬA	
		Milleporidae/Fire corals/Họ San hô lửa	
		Milleporidae spp.[A25]/Fire corals/Các loài San hô lửa	II CITES
		STYLASTERINA/BỘ SAN HÔ DẢI	
		Stylasteridae/Lace corals/Họ San hô dải	
		Stylasteridae spp.[A25]/Lace corals/Các loài San hô dải	II CITES

[A25] Mẫu vật hóa thạch không thuộc phạm vi điều chỉnh của CITES.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Cupressaceae/Alerce, cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Dalbergia* spp.**[#15]/Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		Santalaceae/Sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata[#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, Ramin/ Họ Trầm	
		***Aquilaria* spp.**/Agarwood/Các loài Trầm chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.**/Ramin/Các loài Trầm chi *Gonystylus*	II CITES
		***Gyrinops* spp.**/Các loài Trầm chi *Gyrinops*	II CITES
	- - Bộ phận:		
7117.90.94	- - - Làm toàn bộ bằng plastic, thủy tinh, gỗ, vật liệu khắc từ mai rùa, ngà, xương, sừng, san hô, xà cừ và các loại động vật khác đã gia công, vật liệu khắc từ thực vật đã gia công, vật liệu khắc từ khoáng sản đã gia công, hoặc bằng sứ, bao gồm:		

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6;

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		CROCODYLIA/ALLIGATORS, CAIMANS, CROCODILES/BỘ CÁ SẤU	
		CROCODYLIA spp./Crocodiles and Alligators/ Các loài thuộc bộ Cá sấu (trừ những loài quy định tại Phụ lục I)	II CITES
		Alligatoridae/Alligators, caimans/Họ Cá sấu châu mỹ	
		Alligator sinensis/Chinese alligator/Cá sấu trung quốc	I CITES
		Caiman latirostris/Broad-nosed (snouted) caiman/ Cá sấu mũi rộng (Trừ quần thể của Argentina và Brazil[A11] quy định tại Phụ lục II)	I CITES
		Melanosuchus niger/Black caiman/Cá sấu đen (Trừ quần thể của Brazil và Ecuador [A12] quy định tại Phụ lục II)	I CITES
		Crocodylidae/Crocodiles/Họ Cá sấu	
		Crocodylus acutus/American crocodile/Cá sấu châu Mỹ (Trừ quần thể của khu quản lý tổng hợp rừng ngập mặn Vịnh Cispata, Tinajones, La Balsa và các khu vực xung quanh, khu vực Córdoba, Colombia, quần thể của Cuba và quần thể của Mexico[A13] được quy định tại Phụ lục II)	I CITES
		Crocodylus niloticus/African (Nile) crocodile/Cá sấu sông nile (Trừ các quần thể của Botswana, Ai Cập[A15], Ethiopia, Kenya, Madagascar, Malawi, Mozambique, Namibia, Nam Phi, Uganda, Cộng hòa Tanzania[A16], Zambia và Zimbabwe thuộc Phụ lục II)	I CITES

[A11] Quần thể *Caiman latirostris* của Brazil quy định tại Phụ lục II với hạn ngạch xuất khẩu hàng năm vì mục đích thương mại bằng không (0) đối với mẫu vật khai thác từ tự nhiên.

[A12] Quần thể *Melanosuchus niger* của Ecuador quy định tại Phụ lục II và hạn ngạch xuất khẩu hàng năm bằng không (0) cho đến khi hạn ngạch hàng năm được Ban thư ký CITES và Nhóm chuyên gia cá sấu của IUCN/SSC thông qua.

[A13] Quần thể *Crocodylus acutus* của Mexico được quy định tại Phụ lục II với hạn ngạch xuất khẩu vì mục đích thương mại bằng không (0) đối với mẫu vật khai thác từ tự nhiên.

[A15] Quần thể *Crocodylus niloticus* của Ai Cập được quy định tại Phụ lục II với hạn ngạch xuất khẩu vì mục đích thương mại bằng không (0) đối với mẫu vật đánh bắt từ tự nhiên.

[A16] Quần thể *Crocodylus niloticus* của Cộng hòa Tanzania được quy định tại Phụ lục II với hạn ngạch xuất khẩu hàng năm không vượt quá 1.600 mẫu vật khai thác từ tự nhiên bao gồm mẫu vật săn bắn, mẫu vật nuôi sinh trưởng.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Crocodylus porosus/Saltwater crocodile/Cá sấu nước lợ (Cá sấu hoa cà) (Trừ các quần thể của Australia, Indonesia, Malaysia[A17], Papua New Guinea và quần thể của quần đảo Palawan[A18], Philippin quy định tại Phụ lục II)	I CITES: IB
		Crocodylus rhombifer/Cuban crocodile/Cá sấu cuba	I CITES
		Crocodylus siamensis/Siamese crocodile/Cá sấu nước ngọt (Cá sấu xiêm)	I CITES; IB
		SAURIA/BỘ THẰN LẰN	
		Teiidae/Caiman lizards, tegu lizards/Họ Thằn lằn cá sấu	
		***Salvator* spp.**/Salvator lizard/Các loài thuộc giống *Salvator*	II CITES
		***Tupinambis* spp.**/Tegu lizards/Các loài thằn lằn tegu thuộc giống *Tupinambis*	II CITES
		Varanidae/Monitor lizards/Họ Kỳ đà	
		***Varanus* spp.**/Monitor lizards/Các loài kỳ đà thuộc giống *Varanus* (trừ các loài thuộc Phụ lục I)	II CITES
		Varanus nebulosus (Varanus bengalensis)/Clouded monitor/Kỳ đà vân	I CITES; IB
		Varanus salvator/Kỳ đà hoa	II CITES; IIB
		SERPENTES/Snakes/BỘ RẮN	
		Boidae/Boas/Họ Trăn nam mỹ	
		Boidae spp./Boids, Boas/Tất cả các loài trăn thuộc họ Boidae (trừ các loài được quy định tại Phụ lục I)	II CITES
		Bolyeriidae/Round Island boas/Họ Trăn đảo	
		Bolyeriidae spp./Round islands boas/Các loài Trăn thuộc họ Bolyeriidae (trừ các loài được quy định tại Phụ lục I)	II CITES

[A17] Quần thể *Crocodylus porosus* của Malaysia được quy định tại Phụ lục II với việc hạn chế khai thác từ tự nhiên đối với Bang Sarawak và hạn ngạch bằng không (0) áp dụng cho mẫu vật từ tự nhiên tại các Bang khác của Malaysia (Sabah và bán đảo Malaysia), hạn ngạch bằng không (0) sẽ không thay đổi trừ khi được Hội nghị các nước thành viên thông qua.

[A18] Quần thể *Crocodylus porosus* của quần đảo Palawan, Philippin quy định tại Phụ lục II với hạn ngạch xuất khẩu vì mục đích thương mại bằng không (0) đối với mẫu vật đánh bắt từ tự nhiên.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Loxocemidae/Mexican dwarf boa/Họ Trăn mexico	
		Loxocemidae spp./Mexican pythons/Các loài trăn thuộc họ Loxocemidae	II CITES
		Pythonidae/Pythons/Họ Trăn	
		Pythonidae spp./Pythons/Các loài Trăn thuộc họ Pythonidae (trừ các phân loài được quy định tại Phụ lục I)	II CITES
		***Python molurus* (*Python bivittatus*)**/Indian (rock) python/ Trăn đất (Trăn đất ấn độ)	I CITES; IIB
		Python brongersmai (Python curtus)/Trăn cộc	II CITES; IIB
		Python reticulatus (Malayopython reticulatus)/ Trăn gấm	II CITES; IIB
		Tropidophiidae/Wood boas/Họ Trăn cây	
		Tropidophiidae spp./Wood boas/Các loài Trăn cây thuộc họ Tropidophiidae	II CITES
		Elapidae/Cobras, coral snakes/Họ Rắn hổ	
		Naja atra/Chinese Cobra/Rắn hổ mang trung quốc	II CITES; IIB
		Naja kaouthia/Monocled cobra/Rắn hổ mang kao-thia (Rắn hổ mang một mắt kính)	II CITES; IIB
		Naja mandalayensis/Burmese spitting cobra/Rắn hổ myanmar	II CITES
		Naja naja/Indian cobra/Rắn hổ mang thường	II CITES
		Naja oxiana/Central Asian cobra/Hổ mang oxiana	II CITES
		Naja philippinensis/philippine cobra/Rắn hổ mang philippine	II CITES
		Naja sagittifera/Andaman cobra/Rắn hổ ấn độ	II CITES
		Naja samarensis/Southeastern philippine cobra/Rắn hổ đông nam philippine	II CITES
		Naja siamensis/Indo-Chinese cobra/Rắn hổ mang xiêm (Rắn hổ mang thái lan)	II CITES; IIB
		Naja sputatrix/Javan spitting cobra/Rắn hổ java	II CITES
		Naja sumatrana/Equatorial spitting cobra/Rắn hổ mang sumatra	II CITES
		Ophiophagus hannah/King cobra/Rắn hổ chúa	II CITES; IB

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		PERISSODACTYLA/BỘ MÓNG GUỐC NGÓN LẺ	
		Rhinocerotidae/Rhinoceroses/Họ Tê giác	
		Ceratotherium simum simum/Southern white rhinoceros/ Tê giác trắng (Chỉ áp dụng đối với quần thể của Eswatini[A8], Namibia[A9] và Nam Phi[A8]; các quần thể khác quy định tại Phụ lục I)	II CITES
		PROBOSCIDEA/BỘ CÓ VÒI	
		Elephantidae/Elephants/Họ Voi	
		Loxodonta africana[A10]/Africa elephant/Voi châu phi (Chỉ áp dụng đối với các quần thể ở Botswana, Nam Phi, Namibia và Zimbabwe; các quần thể khác được quy định tại Phụ lục I)	

[A8] Quần thể tê giác trắng *Ceratotherium simum simum* của Eswatini và Nam Phi được quy định tại Phụ lục II, được phép buôn bán quốc tế đối với mẫu vật săn bắn và mẫu vật sống có các điểm đến phù hợp, được chấp nhận. Tất cả các mẫu vật khác là mẫu vật của loài thuộc Phụ lục I và việc buôn bán chúng sẽ phải tuân thủ theo quy định đối với loài thuộc Phụ lục I.

[A9] Quần thể tê giác trắng *Ceratotherium simum simum* của Namibia được quy định tại Phụ lục II và chỉ được phép buôn bán thương mại quốc tế mẫu vật sống vì mục đích bảo tồn tại chỗ trong phạm vi phân bố tự nhiên và lịch sử của loài ở châu Phi. Tất cả các mẫu vật khác là mẫu vật của loài thuộc Phụ lục I và việc buôn bán chúng sẽ phải tuân thủ theo quy định đối với loài thuộc Phụ lục I.

[A10] Quần thể của Botswana, Namibia, Nam Phi và Zimbawe (quy định trong Phụ lục II):

Chỉ giới hạn các hoạt động buôn bán sau đây:

a) Buôn bán các chiến lợi phẩm săn bắn không vì mục đích thương mại;

b) Buôn bán mẫu vật sống tới các địa điểm phù hợp theo quy định tại Nghị quyết 11.20 (sửa đổi tại CoP18) đối với quần thể của Botswana và Zimbabwe và cho các chương trình bảo tồn nguyên vị đối với quần thể của Namibia và Nam Phi;

c) Buôn bán da thô;

d) Buôn bán lông;

e) Buôn bán sản phẩm da vì mục đích thương mại hay phi thương mại đối với quần thể của Botswana, Namibia và Nam Phi; vì mục đích phi thương mại đối với quần thể của Zimbabwe;

f) Buôn bán mẫu vật đã được chứng nhận và đánh dấu riêng lẻ cùng với đồ trang sức đã hoàn chỉnh vì mục đích phi thương mại đối với quần thể ở Namibia và ngà voi chế tác cho các mục đích phi thương mại đối với quần thể ở Zimbabwe;

g) Buôn bán ngà voi nguyên liệu đã đăng ký (đối với quần thể ở Botswana, Namibia, Nam Phi và Zimbabwe, ngà voi nguyên chiếc và ngà dạng miếng) phải tuân theo các quy định sau:

i) Chỉ đối với các mẫu vật trong kho thuộc sở hữu của chính phủ đã được đăng ký, có nguồn gốc từ chính quốc gia đó (không bao gồm ngà voi tịch thu và ngà voi không xác định được nguồn gốc);

ii) Chỉ buôn bán với những đối tác đã được Ban thư ký xác nhận, sau khi tham vấn với Ủy ban Thường trực đảm bảo rằng quốc gia đó kiểm soát tốt việc buôn bán trong nước và hệ thống luật pháp quốc gia đầy đủ nhằm đảm bảo rằng ngà voi nhập khẩu sẽ không được tái xuất khẩu và được quản lý phù hợp theo Nghị quyết 10.10 (Sửa đổi tại CoP18) liên quan đến hoạt động sản xuất và buôn bán trong nước.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		ANTIPATHARIA/Black corals/BỘ SAN HÔ ĐEN	
		ANTIPATHARIA spp./Black coral/Các loài San hô đen	II CITES
		GORGONACEAE/BỘ SAN HÔ QUẠT	
		Coralliidae/Red and pink corals/Họ San hô đỏ	
		Corallium elatius/San hô đỏ êlati (Trung Quốc)	III CITES
		Corallium japonicum/San hô đỏ nhật bản (Trung Quốc)	III CITES
		Corallium konjoi/San hô đỏ Không-noi (Trung Quốc)	III CITES
		Corallium secundum/San hô đỏ (Trung Quốc)	III CITES
		HELIOPORACEA/BLUE CORALS/BỘ SAN HÔ XANH	
		Helioporidae spp.[A25]/Blue corals/Các loài San hô xanh (chỉ bao gồm loài *Heliopora coerulea*.)	II CITES
		SCLERACTINIA/STONY CORALS/BỘ SAN ĐÁ	
		SCLERACTINIA spp.[A25]/Stony coral/Các loài San hô đá	II CITES

iii) Sau khi Ban thư ký xác định các quốc gia nhập khẩu thích hợp và xác nhận số lượng mẫu vật trong kho thuộc sở hữu của chính phủ đã được đăng ký;

iv) Ngà voi thô theo số lượng thuộc sở hữu của chính phủ đã đăng ký để bán có điều kiện được thống nhất tại CoP12, gồm 20.000 kg (Botswana), 10.000 kg (Namibia) và 30.000 kg (Nam Phi).

v) Ngoài số lượng đã được đồng ý tại CoP12, số lượng ngà voi thuộc sở hữu chính phủ của Botswana, Namibia, Nam Phi và Zimbabwe đã đăng ký trước ngày 31/01/2007 và được Ban thư ký xác nhận có thể được buôn bán và vận chuyển cùng với ngà voi mô tả ở mụcg) iv) nêu trên, một lần bán duy nhất cho một điểm đến duy nhất phải chịu sự giám sát chặt chẽ của Ban thư ký;

vi) Tiền thu được từ hoạt động buôn bán được sử dụng chủ yếu cho các hoạt động bảo tồn voi và các chương trình phát triển và bảo tồn cộng đồng trong vùng voi phân bố và các vùng đệm; và

vii) Việc buôn bán số lượng ngà voi được nêu trong khoản g) v) ở trên sẽ chỉ được thực hiện sau khi Ủy ban thường trực thống nhất rằng hoạt động này đã đáp ứng được các điều kiện nói trên; và

h) Không có đề xuất nào thêm cho phép buôn bán ngà voi từ các quần thể đã có trong Phụ lục II sẽ được đệ trình lên tại Hội nghị các quốc gia thành viên trong khoảng thời gian từ CoP14 và kết thúc 9 năm kể từ ngày bán ngà voi nhằm thực hiện tuân thủ theo các điều khoản của mục g) i), g) ii), g) iii), g) vi) và g) vii). Những đề xuất thêm như vậy sẽ được xử lý theo các Quyết định 16.55 và 14.78 (Sửa đổi tại CoP16).

Dựa trên đề xuất của Ban Thư ký, Ủy ban Thường trực có thể quyết định việc dừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động buôn bán trong trường hợp quốc gia nhập khẩu hay quốc gia xuất khẩu không thực hiện đúng các quy định, hoặc trong trường hợp có bằng chứng về hoạt động buôn bán ảnh hưởng đến sự tồn tại của các quần thể voi khác.

Tất cả các mẫu vật ngà voi khác là mẫu vật của loài thuộc Phụ lục I và việc buôn bán phải tuân thủ theo quy định của loài thuộc Phụ lục I.

[A25] Mẫu vật hóa thạch không thuộc phạm vi điều chỉnh của CITES.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		STOLONIFERA/BỘ SAN HÔ CỨNG	
		Tubiporidae/Organ-pipe corals/Họ San hô ống	
		Tubiporidae spp.[A25]/Organ pipe coral/Các loài San hô dạng ống	II CITES
		MILLEPORINA/BỘ SAN HÔ LỬA	
		Milleporidae/Fire corals/Họ San hô lửa	
		Milleporidae spp.[A25]/Fire corals/Các loài San hô lửa	II CITES
		STYLASTERINA/BỘ SAN HÔ DẢI	
		Stylasteridae/Lace corals/Họ San hô dải	
		Stylasteridae spp.[A25]/Lace corals/Các loài San hô dải	II CITES
		Cupressaceae/Alerce, cypresses/Họ Hoàng đàn	
		Cupressus tonkinensis/Hoàng đàn hữu liên	IA
		Leguminosae (Fabaceae) Afrormosia, cristobal, rosewood, sandalwood/Họ Đậu	
		***Dalbergia* spp.**[#15]/Malagasy rosewood/Các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* (Trừ các loài được quy định trong Phụ lục I)	II CITES
		Dalbergia cochinchinensis/Trắc	II CITES; IIA
		Santalaceae/Sandalwood/Họ Đàn hương	
		Osyris lanceolata[#2]/East sandalwood/Cây Đàn hương đông phi (chỉ áp dụng đối với quần thể của Burundi, Ethiopia, Kenya, Rwanda, Uganda và Tanzania. Các quần thể khác không quy định trong Phụ lục)	II CITES

[#15] Tất cả các bộ phận và dẫn xuất, ngoại trừ:

a) Lá, hoa, phấn hoa, quả và hạt;

b) Các sản phẩm hoàn chỉnh có khối lượng gỗ của loài được liệt kê tối đa là 10 kg cho mỗi lô hàng;

c) Các dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh, các bộ phận dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh và các linh kiện dụng cụ âm nhạc hoàn chỉnh;

d) Các bộ phận và dẫn xuất của gỗ trắc *Dalbergia cochinchinensis* được quy định tại chú giải #4; và

e) Các bộ phận và dẫn xuất của các loài trắc thuộc chi *Dalbergia* có nguồn gốc và được xuất khẩu từ Mexico được quy định tại chú giải #6.

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Tên loài (tên khoa học/tên tiếng Anh/tên tiếng Việt)	Nhóm động vật, thực vật/ Phụ lục CITES
		Thymelaeaceae (*Aquilaria*ceae)/Agarwood, Ramin/ Họ Trầm	
		***Aquilaria* spp.**/Agarwood/Các loài Trầm chi *Aquilaria*	II CITES
		***Gonystylus* spp.**/Ramin/Các loài Trầm chi *Gonystylus*	II CITES
		***Gyrinops* spp.**/Các loài Trầm chi *Gyrinops*	II CITES

Chú giải:

Trong Bảng mã HS này, các ký hiệu dưới đây được hiểu như sau:

1. I CITES, II CITES và III CITES là Phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục III Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

2. IA, IIA, IB, IIB là Nhóm thực vật rừng, động vật rừng tại Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

3. Trong bảng mã HS này, tên gọi chính thức của loài động vật, thực vật là tên khoa học (Latin), tên tiếng Việt và tên tiếng Anh chỉ có giá trị tham khảo./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN